



EVN CPC

PC KHANH HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



Nha Trang, tháng 4 năm 2013

MỤC LỤC

Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	2
36 năm xây dựng và phát triển	4
Ngành nghề kinh doanh	5
Định hướng phát triển	6
Mô hình tổ chức	7
Hội đồng quản trị	9
Báo cáo của Hội đồng quản trị	10
Ban Tổng Giám đốc	14
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	15
Ban kiểm soát	34
Ý kiến của Ban kiểm soát	35
Các công ty có liên quan	38
Quản trị Công ty	43
Nguồn nhân lực	50
Thông tin cổ đông	53
Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2012	56



TÂM NHÌN

Trở thành một Công ty hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng tại Việt Nam và tỉnh Khánh Hòa, đóng vai trò chủ đạo trong nhiệm vụ đảm bảo an ninh năng lượng của tỉnh và quốc gia.

SỨ MỆNH

Đáp ứng đầy đủ nhu cầu về điện của khách hàng với chất lượng và dịch vụ ngày càng tốt hơn.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chất lượng - Tin nhiệm

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVNCPC) và Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa (KHPC) tôn vinh giá trị chất lượng – tín nhiệm với mục tiêu xây dựng niềm tin, sự tín nhiệm bằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ, sự trung thực và tinh thần trách nhiệm. Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa cam kết với mọi đối tác sẽ luôn đảm bảo chất lượng là mục tiêu hàng đầu, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Tận tâm – Trí tuệ

Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa mong muốn xây dựng phong cách điển hình của cán bộ công nhân viên là tận tâm, có tinh thần trách nhiệm cao. Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa luôn mang hết sức lực và trí tuệ để giải quyết công việc hiệu quả, hết lòng phục vụ để đem lại sự hài lòng cho khách hàng và vì hạnh phúc của nhân dân.

Hợp tác – Chia sẻ

Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa coi trọng sự hợp tác, hài hòa, tôn vinh những giá trị này với mong muốn CBCNV sẽ luôn hợp tác trên tinh thần trung thực, công bằng, sẵn sàng chia sẻ, gắn bó chặt chẽ để giải quyết được mọi vấn đề của hệ thống, cùng nhau phát triển, cùng nhau hành động vì sự thành công, tiến bộ của EVN, của mỗi thành viên trong hệ thống và các đối tác của EVN, EVNCPC và Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

Sáng tạo – Hiệu quả

Sáng tạo là đòn bẩy của phát triển. Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa mong muốn tạo môi trường thuận lợi để mọi người phát huy được sức sáng tạo, đổi mới công nghệ, quy trình quản lý để đem lại hiệu quả cao nhất, đưa Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa lên vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực phân phối năng lượng trong nước.

Tích cực đẩy mạnh đầu tư cho các lĩnh vực khoa học - công nghệ và khuyến khích CBCNV tham gia nghiên cứu, đề xuất cải tiến công nghệ sản xuất và nghiên cứu phát triển để đạt được thành công cao nhất trong hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và nắm bắt được nhiều cơ hội kinh doanh mới./.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Chất lượng sản phẩm là trọng tâm

Lợi ích khách hàng là then chốt

Đảm bảo thu nhập là trách nhiệm

Chia sẻ cộng đồng là nghĩa vụ



100
T
A
L
A
H
-1



36 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Qua 7 năm hoạt động từ sau khi cổ phần hóa, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty luôn tăng trưởng, vượt mức kế hoạch lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông giao. Với chiến lược kinh doanh bền vững và sáng tạo, Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa sẽ tiếp tục phát triển vượt bậc trong thời gian tới.

1976 - 1989

Sở quản lý và phân phối điện Phú Khánh được thành lập theo quyết định số 3799 QĐ/TCCB ngày 14/4/1976 của Bộ điện và than. Từ tháng 4/1976 đến 1981: Sở Quản lý và Phân phối điện Phú Khánh trực thuộc Công ty Điện lực Miền Trung - Bộ Điện và Than.

Từ năm 1981 đến tháng 10/1989: đổi tên thành Sở Điện lực Phú Khánh trực thuộc Công ty Điện Lực 3 - Bộ Năng lượng.

1989 - 1996

Từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1993: đổi tên thành Sở Điện lực Khánh Hòa trực thuộc Công ty Điện lực 3 - Bộ Năng lượng (do tách hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa từ tháng 06/1989).

Ngày 08/03/1996 đổi tên thành Điện Lực Khánh Hoà, trực thuộc Công ty Điện lực 3 - Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam theo Quyết định số 261/ĐVN/TCCB-LĐ của Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam.

2004 - 2005

Ngày 06/12/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Điện lực Khánh Hòa thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Ngày 01/07/2005 Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hoà chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ là 163.221.000.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51%.

2006 - 2012

Ngày 27/12/2006 cổ phiếu KHP của Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm GDCK TP HCM.

Từ năm 2006 - năm 2012, Công ty đã tiếp tục phát hành và niêm yết bổ sung cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM. Số vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 415.512.960.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51,53% vốn điều lệ Công ty - tương đương 214.114.270.000 đồng

Từ sau khi cổ phần hoá, Công ty đã tăng cường củng cố cơ cấu tổ chức và cải tiến phương pháp quản lý, sắp xếp gọn nhẹ bộ máy đảm bảo hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài lĩnh vực kinh doanh điện năng, Công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực khác như đại lý kinh doanh viễn thông công cộng, kinh doanh vật tư thiết bị điện, tư vấn và thi công xây lắp các công trình điện, góp vốn thành lập các công ty cổ phần đầu tư thủy điện nhỏ, chế tạo thiết bị điện, sản xuất sản phẩm bê tông ly tâm dự ứng lực, bất động sản, chứng khoán,...

- Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110 kV;
- Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình điện, lưới và trạm điện có cấp điện áp đến 110 kV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110 kV và các công trình viễn thông;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện và thiết bị viễn thông.
- Kinh doanh thương mại, thiết bị và phần mềm máy vi tính.
- Đại lý bán hàng vật tư, thiết bị điện;
- Dịch vụ khách sạn; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê văn phòng;
- Đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng. Kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng và internet;
- Vận chuyển hàng hóa;
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện áp đến dưới 110 kV cấp 2, nhà máy điện cấp 4; Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110kV. Kiểm định công tơ điện;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí (trừ máy móc, thiết bị);
- Đại lý bảo hiểm;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện áp đến 110kV, nhà máy điện cấp 4; Giám sát thi công xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110kV. Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư công trình điện đến cấp điện áp 110kV)
- Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt hệ thống điện; hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Tư vấn, Lập trình máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
- Kiểm định máy móc thiết bị điện khác; Cho thuê máy móc, thiết bị điện; thiết bị xây dựng; Dạy nghề

Tiếp tục phát triển lưới điện gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa và của từng địa phương trong Tỉnh; phát triển lưới điện đồng bộ với tiến độ đưa vào vận hành các nhà máy điện để đạt hiệu quả đầu tư chung của toàn hệ thống điện, phù hợp với chiến lược phát triển Ngành điện, quy hoạch phát triển điện lực và các quy hoạch khác của tỉnh Khánh Hòa; đảm bảo chất lượng và độ tin cậy cung cấp điện ngày càng được nâng cao.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG HẠN VÀ DÀI HẠN

Giai đoạn 2011 - 2015: Theo đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Khánh Hòa, sản lượng điện thương phẩm toàn tỉnh được dự báo tăng trưởng 12,0%/năm giai đoạn 2011-2015, và 13,2%/ năm giai đoạn 2016-2020. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người năm 2015 đạt 1.445 kWh/người, đến năm 2020 đạt 2.436 kWh/người.

Trong giai đoạn 2011-2015 xây dựng mới 01 trạm 220/110kV công suất 125MVA, nâng công suất 01 trạm biến áp 220/110kV với công suất tăng thêm 125MVA; xây dựng mới 0,5km đường dây 220kV, cải tạo 128,7km đường dây 220kV. Đối với lưới điện 110kV, xây dựng mới 06 trạm biến áp 110kV với tổng công suất là 239MVA, cải tạo nâng công suất 05 trạm biến áp với tổng công suất tăng thêm là 155MVA; xây dựng mới 09 đường dây 110kV với tổng chiều dài 72,4km, cải tạo nâng tiết diện 03 đường dây 110kV với tổng chiều dài 58,66km. Dự kiến tổng vốn đầu tư cho xây dựng mới và cải tạo lưới điện tỉnh Khánh Hòa là 1.912,5 tỷ đồng.





CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

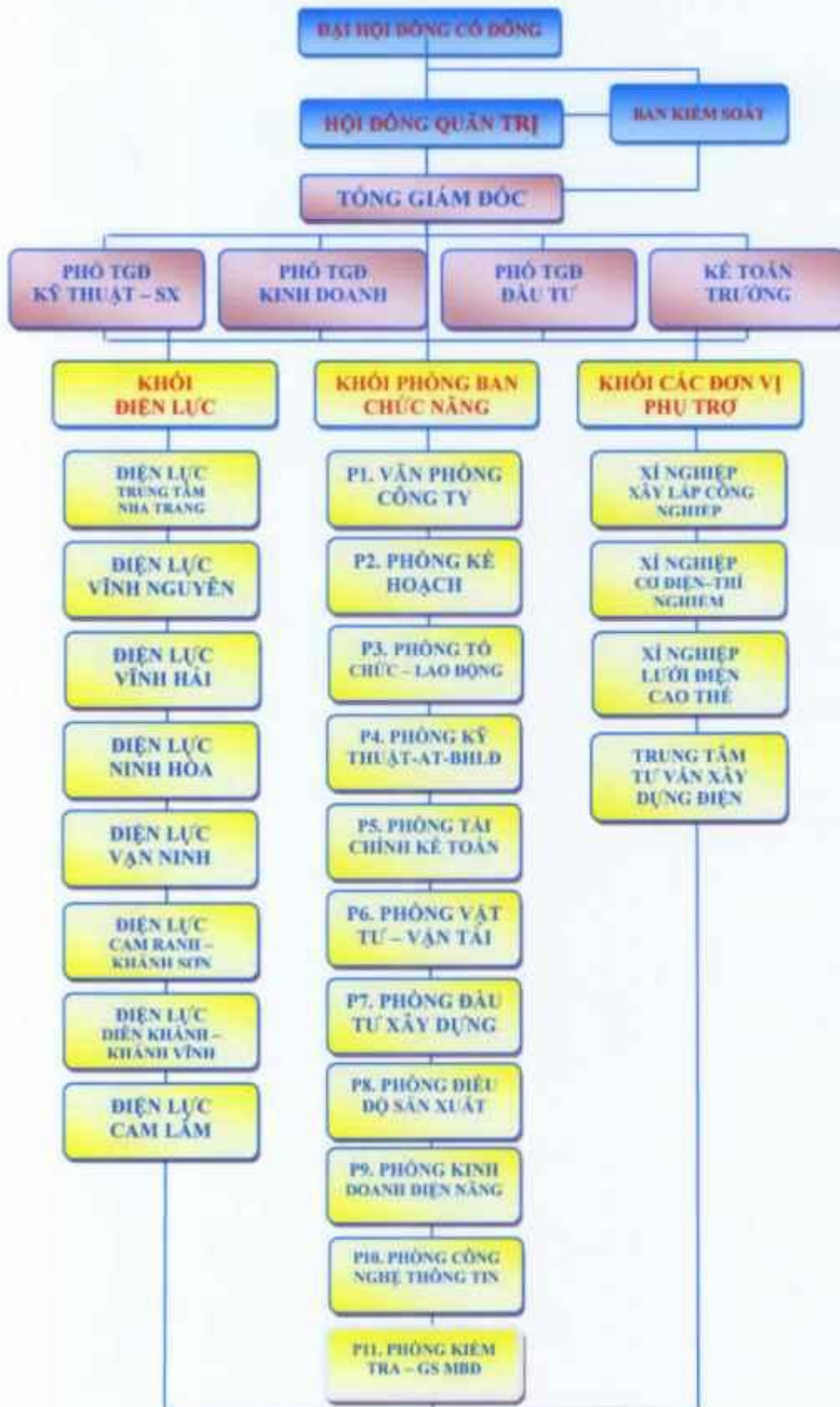
- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Tổng Giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng Giám đốc, 08 điện lực trực thuộc, 11 phòng ban chức năng, 03 xí nghiệp, 01 Trung tâm Tư vấn xây dựng điện.

NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TỔ CHỨC

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2012 và đầu năm 2013, Công ty đã tiến hành thành lập và giải thể một số phòng ban và đơn vị trực thuộc sau:

- Giải thể Trung tâm Viễn thông Điện lực từ ngày 01/04/2012
- Thành lập Phòng công nghệ thông tin từ ngày 01/04/2012
- Giải thể Ban quản lý dự án từ ngày 01/01/2013.
- Thành lập Phòng Đầu tư xây dựng từ ngày 01/01/2013
- Sáp nhập các trạm biến áp 110kV vào Xí nghiệp Lưới điện 110kV và đổi tên thành Xí nghiệp Lưới điện Cao thế từ ngày 01/3/2013.
- Thành lập Phòng Kiểm tra – Giám sát mua bán điện từ ngày 01/3/2013.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC





CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Đình Nhân

Năm sinh: 10/12/1963

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD –
Kỹ sư điện



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Thanh Lâm

Năm sinh: 21/9/1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành mạng
và hệ thống điện



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trịnh Minh Quang

Năm sinh: 23/06/1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật và
QTKD



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Thanh Bình

Năm sinh: 15/6/1955

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Dương Như Hùng

Năm sinh: 18/7/1968

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ tài chính

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2012, kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và cú sốc khủng hoảng nợ công năm 2010 tại Châu Âu. Trong nước, tình hình cũng không khá hơn khi các yếu tố tiềm ẩn đe dọa gây bất ổn cho nền kinh tế vẫn còn hiện hữu.

Đứng trước những điều kiện khó khăn của kinh tế đất nước, đặc biệt là tình hình tài chính, thu xếp vốn đầu tư và công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án điện... song ngành Điện vẫn đạt và vượt nhiều chỉ tiêu quan trọng. Trong đó, mục tiêu quan trọng nhất là việc đảm bảo cung ứng đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đời sống của nhân dân, sản xuất kinh doanh có lợi nhuận góp phần vào kết quả tăng trưởng kinh tế năm 2012 cả nước đạt 5,03%.

Năm 2012, thực hiện chủ trương của Chính phủ và của Ngành điện về việc hạn chế đầu tư vào các lĩnh vực ngoài ngành, Công ty đã thực hiện việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần BDS EVN Land Nha Trang, bàn giao toàn bộ hoạt động viễn thông điện lực cho Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) và chi tập trung vào hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện năng. Việc bố trí, đào tạo lại lực lượng lao động chuyển từ hoạt động viễn thông vào dây chuyền sản xuất của Công ty nên chi phí tăng, năng suất lao động bình quân giảm phần nào ảnh hưởng đến thu nhập bình quân của người lao động.

Nhìn lại tổng quát cả năm 2012, Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã hoàn thành nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ của năm. Công ty đã đáp ứng đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa và sinh hoạt của nhân dân (trong đó tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm đạt 13,86% so với năm 2011, cao nhất trong các năm); sản xuất kinh doanh có lợi nhuận; thực hiện được giá trị khối lượng và vốn đầu tư xây dựng lớn trong điều kiện khó khăn; Tái cơ cấu Công ty theo hướng kinh doanh hiệu quả và theo cơ chế thị trường bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định; Đảm bảo việc làm và đời sống của người lao động; các lĩnh vực công tác khác như phòng chống tham nhũng, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực... đều đạt được kết quả tốt hơn năm trước.

Kết thúc niên độ tài chính 2011 - 2012, Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa một lần nữa hoàn thành xuất sắc mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đặt ra, tiếp tục khẳng định một thương hiệu Công ty Điện lực phát triển mạnh và bền vững.

KẾT QUẢ KINH DOANH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011-2012

So sánh kết quả kinh doanh NĐTC 2011-2012 với kế hoạch

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch
1. Vốn điều lệ	Tỷ đồng	415,513	415,513	100,00%
- Vốn lưu hành	Tỷ đồng	400,513	400,513	100,00%
- Cổ phiếu Quỹ (*)	Tỷ đồng	15,000	15,000	100,00%
2. Tổng doanh thu	Tỷ đồng		1.993,141	
3. Tổng chi phí	Tỷ đồng		1.855,725	
4. Tổng lợi nhuận trước thuế (**)	Tỷ đồng	65,839	137,416	208,72%
5. Thuế TNDN 25% (***)	Tỷ đồng	16,956	37,934	223,72%
- Phải nộp	Tỷ đồng	8,478	26,938	318,27%
- Được miễn	Tỷ đồng	8,478	10,951	129,17%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48,883	99,482	203,51%

Ghi chú: (*) Giá trị cổ phiếu quỹ được tính trên mệnh giá là 10.000 đồng/CP.

(**) Tổng lợi nhuận trước thuế bao gồm cả giá trị tài sản 02 công trình lưới điện tiếp nhận không hoàn vốn từ các nhà đầu tư bên ngoài bàn giao với số tiền là 18.812.965.301 tỷ đồng.

(***) Thuế TNDN bao gồm cả phần thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung của năm 2009 & 2011 với số tiền 2.258.106.081 đồng.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Mua cổ phiếu quỹ

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 về việc sử dụng nguồn lợi nhuận còn lại của năm 2010 để mua cổ phiếu quỹ, Công ty đã đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM mua 1,5 triệu cổ phiếu được chia làm 03 đợt (mỗi đợt đăng ký 500.000 cổ phiếu):

- Đợt 1: Từ ngày 13/06/2011 đến ngày 01/08/2011.
- Đợt 2: Từ ngày 25/08/2011 đến ngày 25/10/2011.
- Đợt 3: Từ ngày 25/11/2011 đến ngày 13/02/2012.

Đến thời điểm ngày 13/02/2012, Công ty đã mua xong 1.500.000 cổ phiếu với tổng chi phí là 11.173.978.888 đồng với giá bình quân 7.449 đồng/cổ phiếu (bao gồm giá mua và phí giao dịch).

Những khoản đầu tư trong năm

Trong năm 2012, căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các công ty khác có tham gia góp vốn, Công ty đã cân đối và chi tiếp tục đầu tư góp vốn vào Công ty CP đầu tư Điện lực 3 với số tiền là 1.437.000.000 đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 6,149 tỷ đồng.

Đồng thời, Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ 1.626.750 cổ phần Công ty CP BĐS EVN Land Nha Trang với giá chuyển nhượng là 10.674 đồng/cổ phần, tổng giá trị bán: 17.363.929.500 đồng.

Trong năm thực hiện nghị quyết của EVN, Công ty cũng đang xúc tiến đàm phán ký hợp đồng ủy quyền cho Tổng công ty Điện lực TP.HCM trong việc tổ chức bán đấu giá phần vốn của Công ty tại Land Sai Gon, để nhanh chóng triển khai việc thoái vốn ngoài ngành.

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ 2012-2013

- Năm 2013, với chủ đề của năm là “Nâng cao chất lượng cung ứng điện, đảm bảo an toàn mỹ quan hệ thống điện” Công ty sẽ quyết liệt hơn nữa trong công tác đảm bảo cung ứng điện năng, hạn chế tối đa sự cố, giảm thời gian cắt điện, mất điện của hệ thống thông qua các biện pháp kỹ thuật, thắt chặt kỷ luật lao động, tăng cường thanh, kiểm tra và kiên quyết xử lý các vi phạm hành lang an toàn lưới điện.

- Công ty tiếp tục nắm bắt nhu cầu phát triển điện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để thực hiện các giải pháp cấp điện kịp thời và ổn định cho sự phát triển kinh tế Tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra hiện trường sản xuất đảm bảo an toàn lao động, không để xảy ra tai nạn lao động, thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường.

- Triển khai xây dựng và cải tạo nhà làm việc của các Điện lực, Xí nghiệp tạo môi trường và điều kiện làm việc thuận lợi cho CBCNV và cán bộ quản lý.

- Thực hiện mục tiêu tự động hóa, hiện đại hóa trong công tác SXKD điện bằng việc xây dựng hệ thống “lưới điện thông minh”, trang bị hệ thống đo đếm, hệ thống trung tâm điều khiển từ xa, hiện đại hóa và tự động hóa hệ thống lưới điện và các trạm, điều khiển đóng cắt từ xa...

- Xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, đoàn kết trên tinh thần cởi mở, dân chủ và có tính xây dựng. Ban lãnh đạo, Thường vụ Đảng ủy và Công đoàn tổ chức các hoạt động sinh hoạt để lắng nghe và giải đáp các kiến nghị người lao động. Thực hiện công khai thu nhập và hoàn thiện các cơ chế phân phối thu nhập trong toàn Công ty.

- Quyết tâm tạo sự gắn bó chặt chẽ với khách hàng thông qua việc đẩy mạnh tổ chức các chương trình, chiến dịch tuyên truyền tiết kiệm điện, tiếp xúc với người dân để nhân dân hiểu và thông cảm với những khó khăn của Ngành điện, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Cùng với Tỉnh thực hiện một số giải pháp góp phần tháo gỡ những khó khăn chung của cả nước. Đầu tư đón đầu kết hợp hài hòa giữa lợi ích cổ đông Công ty và phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh Khánh Hòa.

- Tiếp tục thực hiện đầu tư phủ điện vùng lõm, vùng trắng trên địa bàn toàn tỉnh nhằm nâng cao yêu cầu kỹ thuật chất lượng vận hành, cung cấp điện an toàn, giảm tổn thất điện năng và góp phần nâng cao đời sống sinh hoạt của người dân ở những thôn, bản xa xôi hoặc vùng lõm lâu nay chưa được sử dụng điện lưới.

- Công ty lập phương thức vận hành cung cấp điện đảm bảo chế độ vận hành an toàn, ổn định, liên tục phục vụ tốt cho nhu cầu phụ tải trong suốt thời gian diễn ra các hoạt động festival biển Nha Trang

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tình nghĩa, các chương trình an sinh xã hội thể hiện rõ trách nhiệm với cộng đồng

ĐỊNH HƯỚNG DÀI HẠN

- Tiếp tục thực hiện việc đầu tư xây dựng hệ thống "lưới điện thông minh" trên địa bàn Tỉnh. Từng bước hiện đại hóa và tiến tới thay thế bằng toàn bộ hệ thống đo đếm điện tử. Ứng dụng hệ thống thu thập dữ liệu công tơ điện tử từ xa (đối với công tơ 1 pha RF thu thập dữ liệu bằng Handheld RF, đối với công tơ 3 pha 3 giá đa chức năng thu thập dữ liệu bằng modem GPRS/3G) nhằm tăng năng suất lao động.

- Tiếp tục đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh ngoài điện như: hoạt động xây lắp, tư vấn thiết kế điện, dịch vụ lắp đặt đường dây sau công tơ, cho thuê MBA ... nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo đời sống ổn định cho CBCNV cũng như cổ tức cho cổ đông.

- Tiếp tục xây dựng chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong Công ty nhằm xây dựng và đào tạo đội ngũ CBCNV để đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn đến.

- Triển khai công tác đầu tư xây dựng nhà làm việc cho các đơn vị Điện lực và thiết kế quy hoạch Trung tâm điều hành của Công ty tại 11 Lý Thánh Tôn – TP Nha Trang trong giai đoạn đến với quy mô đảm bảo cho các hoạt động của Công ty từ 15 – 25 năm đến.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Thanh Lâm

Ngày tháng năm sinh: 21/9/1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành mạng và hệ thống điện



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Cao Kỳ

Ngày tháng năm sinh: 20/3/1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành hệ thống điện



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Đăng Hiền

Ngày tháng năm sinh: 30/8/1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Quản trị kinh doanh – Kỹ sư điện



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Kim Hoàng

Ngày tháng năm sinh: 15/4/1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011-2012

So sánh kết quả kinh doanh NĐTC 2011-2012 với kế hoạch và thực hiện

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch	So với năm 2011
I. Vốn điều lệ	Tỷ đồng	415.513	415.513	100,00%	100,000%
- Vốn lưu hành	Tỷ đồng	400,513	400,513	100,00%	100,00%
- Cổ phiếu Quỹ (*)	Tỷ đồng	15,000	15,000	100,00%	100,00%
II. Kinh doanh điện					
1. Tổng sản lượng điện	Triệu kWh	1.316,802	1.353,192	102,76%	113,55%
1.1 Điện mua	Triệu kWh	1.313,252	1.352,940		
1.2 Điện phát	Triệu kWh	0,250	0,253		
2. Điện thương phẩm	Triệu kWh	1.232,000	1.268,553	102,97%	113,86%
3. Tỷ lệ tổn thất	%	6,44	6,255	-0,185%	-0,26%
4. Giá bán điện bình quân	đồng/kWh	1,386	1.444,114	+58,11	+143,39
5. Doanh thu bán điện	Tỷ đồng		1.835,538		126,31%
6. LN kinh doanh điện	Tỷ đồng		57,365		377,01%
III. Kinh doanh khác:					
1. LN kinh doanh khác (*)	Tỷ đồng		61,238		82,13%
IV. Tiếp nhận tài sản	Tỷ đồng		18,813		
V. Tổng LN trước thuế	Tỷ đồng	65,839	137,416	208,72%	153,06%
VI. Thuế TNDN (***)	Tỷ đồng	16,956	37,934	223,72%	159,70%
- Phải nộp	Tỷ đồng	8,478	26,983	318,27%	149,17%
- Được miễn	Tỷ đồng	8,478	10,951	129,17%	193,31%
VII. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48,883	99,482	203,51%	150,67%

Ghi chú: (*) Giá trị cổ phiếu quỹ được tính trên mệnh giá là 10.000 đồng/CP.

(**) Giá trị tài sản 02 công trình lưới điện tiếp nhận không hoàn vốn từ các nhà đầu tư bên ngoài bàn giao với số tiền trước thuế 18.812.965.301 tỷ đồng.

(***) Thuế TNDN bao gồm cả phần thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung của năm 2009 & 2011 với số tiền 2.258.106.081 đồng.

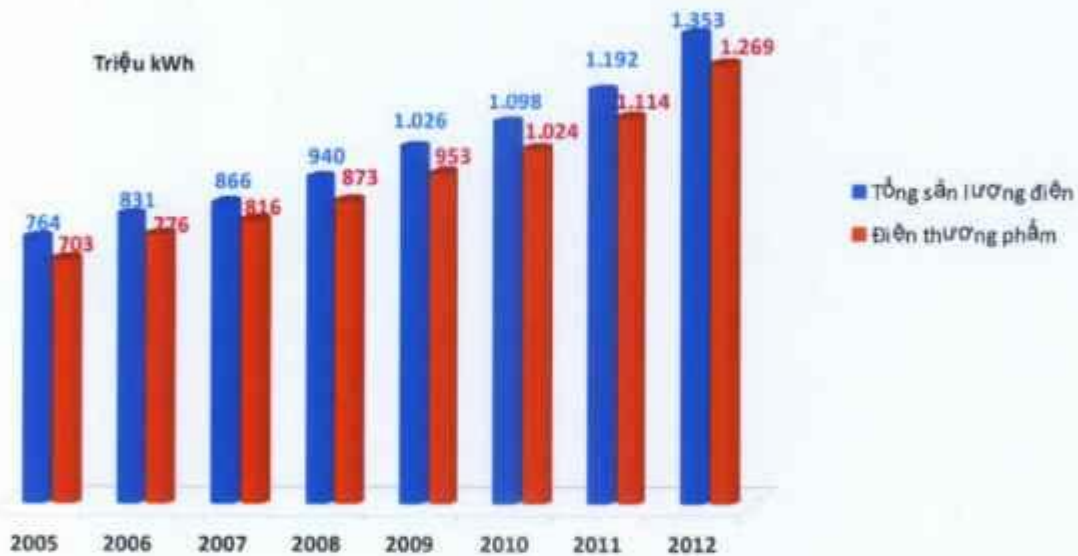
Những yếu tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty năm 2012

Điện thương phẩm

Trong năm 2012, dưới công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc linh hoạt nên mặc dù khối lượng công việc lớn, tiến độ gấp nhưng toàn Công ty đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã thỏa thuận với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVNCPC). Tổng sản lượng điện cả năm 2012 là 1.353,193 tr.kWh tăng 13,6% so với năm 2011 (1.191,683 tr.kWh), trong đó điện thương phẩm đạt 1.268,553 kWh, tăng 13,86% so với năm 2011, tăng 2,97% kế hoạch năm 2012 đã thỏa thuận với EVNCPC (1.232,000 tr.kWh).

Các khách hàng lớn như Công ty Dệt, Nhà máy đóng tàu Hyundai có sản lượng điện sử dụng tăng 17,6%, Viperal Land tăng 10,5% so với năm 2011.

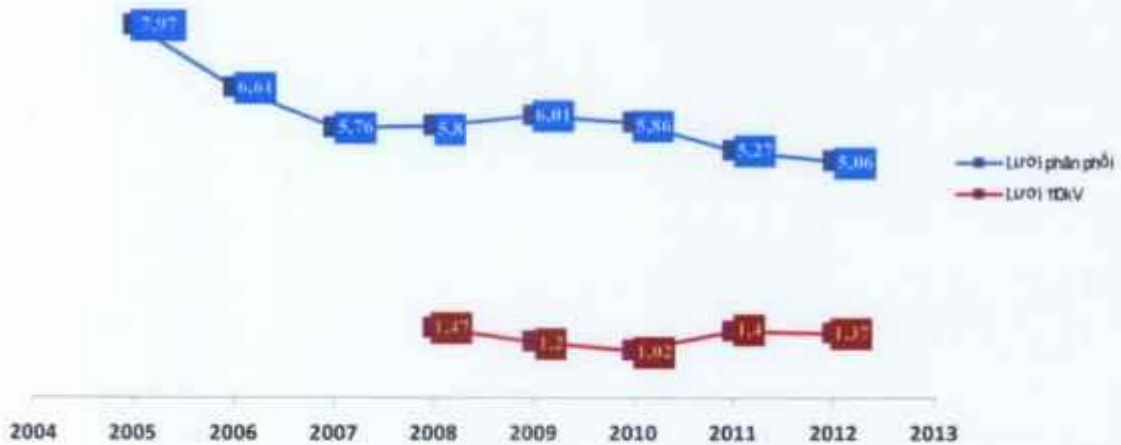
Sản lượng điện 2005 -2012



Chỉ tiêu tổn thất điện năng

Năm 2012 mặc dù gặp nhiều khó khăn, toàn Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để giảm tổn thất điện năng. Kết quả đạt được là 6,23%, giảm hơn so với năm 2011 (0,14%) và giảm hơn so với chỉ tiêu do EVNCPC giao (0,07%).

Tổn thất điện năng 2005-2012



Một số giải pháp chính đã thực hiện để giảm tỷ lệ TTDN:

- Tăng cường công tác sửa chữa lớn lưới điện (cả năm thực hiện 3 đợt), trong đó đặc biệt tập trung vào công tác cải tạo dờn công tơ từ nhà ra trụ, thu gom công tơ vào hộp 4 công tơ để vừa chỉnh trang lưới điện, sửa chữa hộp công tơ mục rỉ vừa hạn chế thất thoát điện năng do công tơ nghiêng ngả,...
- Kiểm tra rà soát lại tình hình mang tải và kéo thêm các đường trục song song của lưới điện hạ áp.
- Hoàn thành kế hoạch thay công tơ định kỳ theo quy định.
- Thực hiện công tác hoán chuyển các máy biến áp non tải và đầy tải. Lắp đặt thêm các tụ bù trên lưới trung hạ áp.

Chi phí kinh doanh

Thực hiện tốt việc tiết kiệm chi phí:

- Các công tác tăng cường các hạng mục sửa chữa lớn lưới điện, thay công tơ định kỳ, hoán chuyển các máy biến áp non tải, lắp đặt tụ bù trung, hạ áp trên toàn hệ thống lưới điện, ... đã góp phần làm tỷ lệ tổn thất điện năng năm 2012 giảm 0,05% so với kế hoạch và giảm 0,26% so với năm 2011, góp phần giảm chi phí mua điện gần 700 triệu đồng.

- Tổ chức tốt công tác đấu thầu mua sắm vật tư thi công các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định tiết kiệm trên 6,7 tỷ đồng.
- Công tác vận hành hệ thống điện hợp lý, huy động các nguồn sản xuất điện khác của 02 nhà máy đường Cam Ranh và Ninh Hòa hiệu quả đã làm giảm chi phí mua điện gần 7 tỷ đồng.
- Việc tăng doanh thu và giảm chi phí nói trên góp phần làm tăng lợi nhuận sản xuất điện gần 37 tỷ đồng nên mặc dù trong năm có các yếu tố biến động làm tăng chi phí như: Thuế đất tăng cao, chi phí điện nước và các dịch vụ mua ngoài khác tăng do trượt giá đã làm tăng chi phí lên trên 13 tỷ đồng so nhưng lợi nhuận sản xuất điện của Công ty vẫn vượt gần 24 tỷ đồng.

Giá bán điện bình quân

Giá bán điện bình quân từ năm 2005 -2012



Giá bán điện bình quân năm 2012 thực hiện 1.444,11 đ/kWh tăng 58,11 đồng so với kế hoạch và tăng 143,839 đồng/kWh (tăng 11,06%) so với năm 2011.

Ngoài nguyên nhân tăng giá bán điện của Chính phủ là 9,85% tương đương tăng 128,08đ/kwh, Công ty đã tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp áp giá bán điện, thay thế công tơ điện tử ba giá, tạo thuận lợi cho các phụ tải sớm đi vào hoạt động, ... đồng thời kết hợp công tác thay công tơ, TI, TU định kỳ cùng với việc đẩy mạnh công tác kiểm tra áp giá điện đã làm tăng giá bán điện lên 15,76 đồng tương đương tăng 1,2%, góp phần làm tăng doanh thu tiền điện lên gần 20 tỷ đồng.

Công tác đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn

Đầu tư xây dựng

Năm 2012, Công ty đã triển khai đầu tư các dự án gồm 8 công trình chống quá tải, hoàn thiện lưới điện phân phối với tổng mức đầu tư 59,459 tỷ đồng và 4 công trình trọng điểm sử dụng một phần vốn vay với tổng giá trị 27,745 tỷ đồng

Sửa chữa lớn

Năm 2012, Công ty đã triển khai 161 hạng mục công trình với tổng số vốn kế hoạch là 27,716 tỷ đồng, tổng giá trị quyết toán là 20,607 tỷ đồng, trong đó:

- Công trình nguồn điện: 0,174 tỷ đồng.
- Công trình lưới điện: 19,286 tỷ đồng.
- Công trình nhà xưởng, xe cộ: 1,147 tỷ đồng.

Các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn đã đáp ứng kịp thời nhu cầu của phụ tải và nâng cao năng lực và cải thiện chất lượng cung cấp điện, giảm tổn thất điện năng, giảm suất sự cố cho các khu vực trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Hoạt động kinh doanh khác

Năm 2012, hàng loạt các dự án, công trình trên địa bàn Tỉnh triển khai chậm tiến độ hoặc tạm dừng do thiếu vốn đã ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh khác của Công ty như: xây lắp, khảo sát thiết kế và nhượng bán vật tư... HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ cho các đơn vị đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh khác như: ban hành Quy chế thưởng từ lợi nhuận hoạt động kinh doanh dịch vụ khác nhằm đẩy mạnh các hoạt động xây lắp điện, tư vấn thiết kế. Bên cạnh đó việc tiết kiệm chi phí, cùng với việc tích cực thu hồi các khoản công nợ cũng góp phần đáng kể trong tổng lợi nhuận của Công ty. Các hoạt động kinh doanh khác ngoài điện như xây lắp, tư vấn thiết kế, mắc dây đặt đèn, dịch vụ điện, nhượng bán vật tư, hoạt động tài chính, cho thuê MBA, ... đã đem lại lợi nhuận trước thuế là 61,238 tỷ đồng.



Thi công cấp ngầm trên đảo Hòn Tằm



Lưới điện quốc gia về với thôn đảo Bình Hưng

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN THEO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- TSCĐ & đầu tư dài hạn/Tổng tài sản		60,83	50,14
	- Tài sản lưu động/Tổng tài sản		38,23	49,20
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		49,8	49,43
	- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn		50,2	50,57
3	Khả năng thanh toán	lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,26	1,44
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,51	1,64
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất LN trước thuế/Tổng tài sản		9,07	12,78
	- Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần		4,65	5,82
	- Tỷ suất LN sau thuế/Nguồn vốn CSH		14,50	20,35

Phân tích các chỉ tiêu tài chính

- Về cơ cấu tài sản:

Tỷ lệ tài sản cố định chiếm 50,14% (giảm 10,69% so với năm 2011) do Công ty thực hiện chủ trương của Chính phủ về bán giao tài sản và hạ tầng viễn thông sang Tập đoàn Viễn thông quân đội Viettel với giá trị là 16,254 tỷ, đồng thời thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành bán cổ phần tại EVN Land Nha Trang cho Công ty tài chính cổ phần Điện lực với tổng giá trị bán 17,363 tỷ đồng.

Tỷ lệ tài sản lưu động chiếm 49,20% (tăng 10,97% so với năm 2011), nguyên nhân là do tiền và các khoản tương đương tiền tăng 47% (chiếm tỷ trọng 74% trong tài sản ngắn hạn). Điều này đem đến cho nhà đầu tư cái nhìn khả quan về tiềm lực kinh doanh của Công ty và khả năng thanh khoản.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng nguồn vốn giảm 0,4% so với năm 2011, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 60,5 % trên tổng nợ phải trả (tăng 28% so với năm 2011) và nợ dài hạn chiếm 39,5% (giảm 14% so với năm 2011) trên tổng nợ phải trả. Việc sử dụng các

khoản vay ngắn hạn cho các nhu cầu ngắn hạn khi hoạt động kinh doanh đang trong giai đoạn tăng trưởng mà vẫn đảm bảo nợ ngắn hạn nhỏ hơn 0,6 lần so với tài sản ngắn hạn, điều này sẽ giúp Công ty tránh phải trả lãi cao và các điều kiện hạn chế của việc vay dài hạn.

- Khả năng thanh toán:

Hệ số khả năng thanh toán hiện hành tăng 0,13 lần so với năm 2011, cho thấy mức độ an toàn của Công ty trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số trên 1,6 là một hệ số hoàn toàn có thể chấp nhận được ở một Công ty phân phối điện năng vì nguồn tiền mặt dự tính thu vào cao.

Hệ số khả năng thanh toán nhanh tăng 0,18 lần so với năm 2011, được thể hiện bằng cách loại bỏ giá trị không chắc chắn của hàng tồn kho và tập trung vào những tài sản có khả năng chuyển đổi dễ dàng. Điều này cho thấy Công ty đã thực hiện thành công nhiều giải pháp nhằm giảm tồn kho, tăng tỷ lệ thu tiền điện một cách hiệu quả.

- Về tỷ suất lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2012 của Công ty là 137,415 tỷ , tăng 47,637 tỷ đồng so với năm 2011. Nguyên nhân là do thu nhập từ các tài sản nhận bàn giao từ bên ngoài không hoàn vốn là 18,8 tỷ đồng, hoàn nhập các khoản dự phòng, nợ khó đòi đã thu được 16 tỷ đồng và doanh thu sản xuất kinh doanh tăng 23,34% so với năm 2011, trong khi đó do tiết kiệm chi phí nên so với năm 2011 chi phí kinh doanh chỉ tăng 21,59%. Như vậy, tốc độ tăng doanh thu cao hơn tốc độ tăng chi phí làm tăng lợi nhuận sản xuất kinh doanh. Điều này làm tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản năm 2012 tăng 3,71% so với năm 2011.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012: Tổng tài sản của Công ty vào thời điểm 31/12/2012 là **1.075.254.936.964** đồng.
- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2012 là **415.512.960.000** đồng.

Những thay đổi về vốn cổ đông

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đ)	Phương thức tăng vốn	Vốn điều lệ (đ)
Khi thành lập 07/2005			163.221.000.000
Lần 1: 09/2007	10.869.860.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 15:1 cho cổ đông	174.090.860.000
Lần 2: 07/2009	34.809.820.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 5:1 cho cổ đông	208.900.680.000
Lần 3: 03/2010	206.612.280.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và cho cổ đông chiến lược là Tập đoàn Điện lực Việt Nam	415.512.960.000

Đến thời điểm ngày 04/3/2013

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:
Cổ phiếu phổ thông: **41.551.296** cổ phiếu.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: *không có*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
Cổ phiếu phổ thông : **40.051.296** cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: **1.500.000** cổ phiếu
- Cổ tức:

+ Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 với tỷ lệ 7% bằng tiền mặt trên vốn điều lệ lưu hành 400.512.960.000 đồng, tương ứng với số tiền là 28.035.907.200 đồng. Đồng thời thực hiện việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% tương đương với số tiền chi trả cổ tức là 20.025.648.000 đồng (Trên 40.051.296 cổ phiếu đang lưu hành).

+ Dự kiến Công ty sẽ chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 9% từ nguồn lợi nhuận của năm 2012 cho cổ đông sau khi ĐHĐCĐ thường niên 2013 thông qua mức cổ tức năm 2012 là 14%.

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011- 2012

Chính sách quản trị

Kể từ khi Công ty chuyển sang mô hình hoạt động Công ty Cổ phần từ năm 2005 thì năm 2012 là năm có tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm so với năm trước đạt cao nhất trong các năm qua (13,86%). Công tác lãnh đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và đặc biệt là của Tổng Giám đốc Công ty đã hết sức nhạy bén, thích ứng với tình hình, đã đưa ra nhiều giải pháp cụ thể, hiệu quả để giảm chi phí, tăng sản lượng điện thương phẩm, tăng giá bán bình quân, giảm tổn thất điện năng, giảm giá mua điện đầu vào, công tác sửa chữa lớn và đầu tư xây dựng đạt tiến độ đề ra phát huy tác dụng của công trình, hoạt động kinh doanh khác đa dạng, đáp ứng yêu cầu của khách hàng... nên Công ty đã hoàn thành và vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông giao.

Công tác điều hành linh hoạt cùng với việc tuyên truyền tiết kiệm điện được tổ chức tốt, hình thức tuyên truyền linh hoạt, sinh động đạt hiệu quả cao nên không phải

tiết giảm điện trong thời gian cao điểm của các tháng mùa khô, đảm bảo cấp điện ổn định phục vụ đầy đủ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đội ngũ CBQL các cấp và toàn thể CBCNV đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, hăng hái thi đua hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Trong khi nền kinh tế cả nước gặp rất nhiều khó khăn, nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh buộc phải thu hẹp hoặc ngừng sản xuất nhưng Công ty vẫn đảm bảo việc làm, tiền lương, thu nhập ổn định và phúc lợi cho người lao động.

Công ty đã liên tục cử CBCNV tham gia các lớp nâng cao kiến thức, kỹ năng về nghiệp vụ, kiến thức hành chính, văn thư, kỹ năng phân tích, đánh giá các dự án đầu tư, kiến thức pháp luật, thanh tra, đánh giá tình hình tài chính, báo cáo thuế,...; Các khóa đào tạo về nghiệp vụ và được cấp chứng chỉ hành nghề như: nghiệp vụ đầu thầu, giám sát thi công công trình, thiết kế công trình, ... Tổng số được đưa đi đào tạo là 320 lượt người với tổng kinh phí thực hiện là: 1,506 tỷ đồng.

Kiểm soát nội bộ

Thực hiện rà soát, tổng hợp các quy chế, quy định hiện hành của Công ty, của EVN và EVNCPC phục vụ việc hệ thống hóa các quy chế quản lý; đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật Hình sự gửi các cơ quan chức năng.

Tham mưu thành lập lại Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng; Biên soạn lại Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Công ty; Thành lập mới các Tiểu ban phòng, chống tham nhũng tại các Điện lực, Xí nghiệp, Trung tâm.

Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập của 70 cán bộ quản lý thuộc diện phải kê khai.

Công tác tiết kiệm điện

Cùng với các hoạt động hưởng ứng tuần lễ tuyên truyền tiết kiệm điện, Công ty đã có văn bản gửi UBND tỉnh Khánh Hòa và Sở Văn hóa thể thao du lịch xin cấp phép để thực hiện treo 500 băng rôn, cờ phướn với nội dung tuyên truyền tiết kiệm điện trên các tuyến đường chính trong TP Nha Trang, TP Cam Ranh và TX Ninh Hòa.

Công ty đã tích cực phối hợp với UBMT TQ TP Nha Trang, UBMT TQ và UBND các xã phường trong việc tuyên truyền, vận động người dân cùng tham gia hưởng ứng chương trình thi đua "Gia đình tiết kiệm điện năm 2012". Kết quả đã có 6.810 hộ gia đình có tỷ lệ tiết kiệm từ 10% sản lượng điện năng trở lên trong tổng số hơn 96.000 khách hàng trong toàn khu vực TP. Nha Trang



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Tuyên truyền tiết kiệm điện tại các trường học



Tuyên truyền tiết kiệm điện trên đường phố

Hiện đại hóa hệ thống đo đếm

Tiếp tục vận hành thử nghiệm và áp dụng chương trình tính toán độ tin cậy OMS của Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong quản lý và vận hành lưới điện. Tiếp tục xây dựng chương trình quản lý kỹ thuật PMIS. Từng bước triển khai mô hình vận hành TBA 110kV một người trực và điều khiển trạm biến áp tích hợp từ xa cho các trạm còn lại.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục thực hiện việc đầu tư xây dựng hệ thống "lưới điện thông minh" trên địa bàn Tỉnh. Từng bước hiện đại hóa và tiến tới thay thế bằng toàn bộ hệ thống đo đếm điện tử. Ứng dụng hệ thống thu thập dữ liệu công tơ điện tử từ xa (đối với công tơ 1 pha RF thu thập dữ liệu bằng Handheld RF, đối với công tơ 3 pha 3 giá đa chức năng thu thập dữ liệu bằng modem GPRS/3G) nhằm tăng năng suất lao động.



11/27/2011 10:00 AM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Thị điểm triển khai lắp đặt công tơ điện tử và ứng dụng hệ thống thu thập dữ liệu từ xa

Hoạt động vì cộng đồng

Vận động CBCNV tham gia quyền góp ủng hộ theo phát động của Công đoàn cấp trên như : Quỹ tương trợ xã hội với tổng số tiền là: 202,77 triệu đồng (trích nộp về Công đoàn Tổng công ty Điện lực miền Trung 60% - 121,66 triệu đồng); ủng hộ các huyện nghèo tỉnh Lai Châu : 117,4 triệu đồng ; ủng hộ quỹ phụ nữ và trẻ em nghèo : 21,06 triệu đồng.

Trích từ nguồn quỹ Tương trợ xã hội Công ty ủng hộ các hoạt động xã hội từ thiện như : ủng hộ quỹ Vì người nghèo, bếp ăn tình thương bệnh viện tâm thần tỉnh Khánh Hòa, hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin, hội cơ sở gia đình cách mạng tỉnh Khánh Hòa, quỹ Tấm lòng vàng Báo Lao động ... với tổng số tiền: 37 triệu đồng

Nhân Tháng hành động vì trẻ em, Ban nữ công đã phát động nữ CNLĐ quyền góp ủng hộ được hơn 17,5 triệu đồng cùng sách vở, quần áo và đồ dùng học tập để tổ chức thăm, tặng quà cho hơn 100 trẻ em mồ côi, có hoàn cảnh khó khăn được nuôi dưỡng tại các chùa, các cơ sở từ thiện thuộc tỉnh Khánh Hòa

11/01/2012 10:00:00 AM



Thắp sáng đường quê tại xã Ninh Bình



Xây dựng mái ấm Công đoàn



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Các hoạt động từ thiện



Góp đá xây Trường Sa

NHỮNG THIẾU SÓT VÀ HẠN CHẾ

Công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn, đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị vẫn chưa chuyên nghiệp ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện. Công tác khảo sát, lập hồ sơ tư vấn thiết kế vẫn chưa sát thực tế hiện trường thi công dẫn đến việc tổng hợp mua sắm vật tư dư thừa, gây tổn kho lớn cho Công ty.

Công tác lập hồ sơ quyết toán của các đơn vị còn chưa chuẩn đặc biệt là trong lĩnh vực SCL; văn bản hướng dẫn của các phòng chức năng Công ty chưa đầy đủ và không thống nhất.

Công tác quản trị Công ty trên các lĩnh vực vật tư, kế hoạch, nhân sự, tiền lương ... còn nhiều bất cập, giải quyết công việc chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, chưa tạo ra được giải pháp mang tính đột phá.

Kỷ luật nội qui lao động chưa được lãnh đạo các đơn vị quan tâm đúng mức; văn hóa Công ty chưa được tổ chức tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong đội ngũ CBCNV và người lao động nhằm tạo thành một thói quen hàng ngày.

Lực lượng lao động lớn tuổi không thể làm những công việc nặng tại các Điện lực cũng là một trong những tồn tại gây ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý, vận hành đường dây và trạm.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NIÊN ĐỘ 2012-2013

Dự báo tình hình

- **Thuận lợi:**

- Trong năm 2013, tình hình kinh tế trong nước khả năng chưa phục hồi, lạm phát tuy đã được kiềm chế nhưng nền kinh tế chỉ phát triển ở mức độ thấp.

- Tuy nhiên kinh tế của tỉnh Khánh Hòa đã có những tín hiệu khả quan, khả năng có phục hồi và phát triển. Hoạt động du lịch - dịch vụ dự kiến tăng mạnh trong năm với số lượng khách du lịch từ Nga đến Nha Trang tăng mạnh. Cùng với sự kiện Festival biển sẽ diễn ra trong tháng 6/2013 tại Nha Trang sẽ góp phần sản lượng và giá bán điện bình quân của Công ty.

- Hàng loạt các phụ tải lớn đi vào hoạt động như cụm khách sạn Crown, Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp Havana, Nha Trang Plaza, ... góp phần tăng sản lượng điện và tăng giá bán điện bình quân.

- **Khó khăn:**

- Từ năm 2013 trở đi Công ty không được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Dự báo tình trạng thiếu nguồn điện của hệ thống lưới điện quốc gia có khả năng xảy ra do các hồ thủy điện chưa tích đủ nước.

- Nhu cầu về vốn đầu tư cho các dự án lưới điện 110kV cho các khu công nghiệp trọng điểm (Vân Phong, Ninh Vân, Nhà máy đóng tàu Cam Ranh, ...), hoàn thiện chống quá tải lưới điện trung áp 35kV trở xuống và các dự án đầu tư xây dựng cấp thiết khác là rất lớn. Yêu cầu cấp điện cho các khu vực kinh tế trọng điểm của Tỉnh đòi hỏi rất bức thiết và cần có nguồn vốn đầu tư lớn. Công ty cần vay tín dụng để thực hiện các dự án xây dựng nhưng chưa tiếp cận được các nguồn vay ưu đãi.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2012, trên cơ sở phân tích những thuận lợi và khó khăn trong năm 2013, trên cơ sở quyết định phê duyệt giá điện đầu vào cho Công ty năm 2013 của Tổng Công ty Điện lực Miền trung. Công ty xây dựng các chỉ tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2013	So với KH năm 2012
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	415.512,96	100,00%
2	Tổng sản lượng điện	Triệu kWh	1.502	114,06%
3	Tỷ lệ tổn thất kỹ thuật (*)	%	6,15	
4	Tỷ lệ điện tổn thất có truyền tải hộ	%	6,27	-0,17%
5	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	1.408	114,29%
6	Giá bán điện bình quân (**)	Đồng/kWh	1.555	+169
7	Tổng doanh thu (***)	Tỷ đồng	2.265	130,35%
8	Tổng chi phí	Tỷ đồng	2.190	131,00%
9	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	75	113,91%

Ghi chú: (*) Tỷ lệ tổn thất kỹ thuật là tỷ lệ tổn thất điện năng có tính đến yếu tố truyền tải điện hộ cho tỉnh Ninh Thuận và Phú Yên với sản lượng điện khoảng 29,355 triệu kWh.

(**) Giá bán điện bình quân đã tính đến việc tăng giá bán điện 5% vào cuối tháng 12/2012 của Chính phủ.

(***) Tổng doanh thu bao gồm: doanh thu tiền điện, công suất phản kháng, vật tư thu hồi và cho thuê cột viễn thông, xây lắp, khảo sát thiết kế, mắc dây đặt đèn, giám sát, thí nghiệm, nhượng bán vật tư, hoạt động tài chính, ...

❖ Danh mục các hạng mục đầu tư, góp vốn đầu tư vào các công ty khác và kế hoạch đầu tư dài hạn năm 2013:

Căn cứ theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và xác định nhu cầu các hạng mục đầu tư trọng điểm, Công ty dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn năm 2013 như sau:

- **Tổng vốn đầu tư xây dựng: 168 tỷ đồng.** Trong đó:
 - Các dự án đầu tư xây dựng chuyên tiếp từ năm 2012 sang: 23,1 tỷ đồng.
 - Các dự án khởi công mới trong năm 2013 : 144,2 tỷ đồng.
 - + Dự án lưới điện 110kV: 55,150 tỷ đồng
 - + Dự án lưới điện dưới 35kV: 78,150 tỷ đồng
 - + Dự án đầu tư nhà xưởng: 11 tỷ đồng
 - Các dự án chuẩn bị đầu tư cho năm 2014 : 1,5 tỷ đồng.
- **Mua sắm tài sản cố định: 7,3 tỷ đồng.**
- **Tổng vốn sửa chữa lớn: 31,35 tỷ đồng.** Trong đó:
 - Nguồn điện: 0,15 tỷ đồng
 - Lưới điện: 24,8 tỷ đồng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Công trình phục vụ sản xuất, nhà xưởng: 6,4 tỷ đồng

❖ **Chỉ tiêu góp vốn vào các Công ty khác:**

Trong năm 2013, Công ty chỉ thực hiện góp vốn đầu tư vào Công ty Đầu tư điện lực 3 theo như cam kết góp vốn để đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện.

❖ **Chỉ tiêu tài chính:**

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012, Công ty xây dựng một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trình ĐHĐCĐ thường niên 2013 thông qua như sau:

STT	Danh mục	ĐVT	Kế hoạch 2013
I	Vốn điều lệ	Đồng	415.512.960.000
II	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đồng	75,0000
III	Thuế TNDN 25%	Tỷ Đồng	18,7500
1	<i>Phải nộp</i>	<i>Tỷ Đồng</i>	<i>18,7500</i>
2	<i>Được miễn (*)</i>	<i>Tỷ Đồng</i>	<i>0</i>
IV	Lợi nhuận sau thuế phân phối	Tỷ Đồng	56,2500
V	Trích lập các Quỹ (15% LN phân phối)	Tỷ Đồng	8,4375
1	<i>Dự phòng tài chính 5% LN sau thuế</i>	<i>Tỷ Đồng</i>	<i>2,8125</i>
2	<i>Quỹ phúc lợi & khen thưởng 10% LN sau thuế</i>	<i>Tỷ Đồng</i>	<i>5,6250</i>
VI	Lợi nhuận chia cổ tức (85% LN)	Tỷ Đồng	47,8125
VII	Tỷ lệ cổ tức	%	11,5

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Ông Tô Hiếu Thuận

Ngày tháng năm sinh: 13/8/1971

Trình độ văn hoá: 12/12

**Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ MBA –
QTKD Trường Lincoln University - USA**

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Ông Hồ Thăng Thu

Ngày tháng năm sinh: 10/09/1968

Trình độ văn hoá: 12/12

**Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh
doanh**

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Thành Cử

Ngày tháng năm sinh: 14/08/1949

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Ý KIẾN CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính:

a. Bố trí cơ cấu tài sản:

- + Tài sản cố định / Tổng tài sản : 44,29%
- + Tài sản lưu động / Tổng tài sản : 49,20%
- + Hàng tồn kho / Tổng tài sản : 5,4% (năm 2010: 7,2% năm 2011 : 6,3%)

- Tỷ lệ tài sản cố định chiếm 44,29% (giảm 8,23% so với năm 2011) do công ty giảm các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết, tiết giảm các khoản đầu tư tài sản dài hạn khác. Tỷ lệ tài sản lưu động chiếm 49,20% (tăng 10,97% so với năm 2011) công ty đã chú trọng việc lưu giữ tiền mặt và tập trung vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn nhằm bảo toàn vốn, các tỷ lệ này cho thấy công ty đã bố trí cơ cấu tài sản hợp lý so với Tổng tài sản. Đặc biệt giá trị hàng tồn kho năm 2012 giảm hơn nhiều so với năm 2011 chiếm tỷ lệ 5,4%. Tỷ lệ giá trị hàng tồn kho giảm là do công ty đã giảm dự trữ hàng hóa, vật tư, vật liệu... cho các công trình đang thi công dở dang, với tỷ lệ hàng tồn kho này chiếm chưa đến 10% so với Tổng tài sản của công ty, tỷ lệ hàng tồn kho của Công ty như vậy là rất hợp lý.

b. Bố trí cơ cấu nguồn vốn:

- + Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn : 49,43%
- + Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn : 50,57%

c. Tỷ suất sinh lời:

- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần : 5,82%
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu: 20,34%
- + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản : 12,78%

- Nhận xét về hiệu quả sản xuất kinh doanh và cũng như hiệu quả sử dụng vốn của Công ty năm 2012 đã mang lại lợi nhuận rất hiệu quả : Hệ số lợi nhuận (ROA-Return on Assets) trên tất cả các khoản đầu tư, tài sản của công ty mang lại khả năng sinh lời cho các cổ đông đạt 12,78% và hệ số lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE-Return on Equity) là 20,34% (năm 2011 đạt 14,5%) hệ số này tăng 5,84% so với năm 2011 (Cao hơn so với lãi suất tiền gửi Ngân hàng) đây là một tỷ lệ đảm bảo

lợi nhuận quá hợp lý. Tỷ lệ nợ phải trả chiếm 49,43% và tỷ lệ vốn chủ sở hữu chiếm 50,57% trên tổng nguồn vốn cho thấy Công ty đã thực hiện khá tốt việc sử dụng đòn cân nợ từ việc tranh thủ các nguồn tín dụng khác ngoài hệ thống Ngân hàng.

2. Nhận xét về hoạt động kế toán - tài chính

- Chế độ áp dụng: Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập dựa trên các quy định, hướng dẫn hiện hành theo hệ thống kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Việc tính toán, ghi chép các số liệu trong báo cáo phản ánh trung thực, đúng chế độ, nguyên tắc trong phạm vi lập, ghi chép luân chuyển, sử dụng, lưu trữ bảo quản chứng từ đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ. Công tác theo dõi và quản lý các chi phí sản xuất kinh doanh tương đối chặt chẽ. Công tác theo dõi và thanh toán các hợp đồng ký kết mua sắm tài sản cố định và đầu tư trang thiết bị, sửa chữa được hoạch toán theo đúng quy định và dự toán được phê duyệt.

- Phòng Kế toán hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về tài chính, yêu cầu về cung cấp thông tin ra công chúng, cũng như yêu cầu cung cấp thông tin số liệu cho Ban kiểm soát của Công ty.

- Các số liệu kế toán được hạch toán đầy đủ, rõ ràng, phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty. Bảng tổng kết tài sản, kết quả hoạt động SXKD, Bảng lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, là đơn vị kiểm toán có uy tín, đã được Bộ Tài Chính công nhận và đã thực hiện kiểm toán từ ngày 01/03/2013 đến ngày 12/03/2013.

- Công tác báo cáo, công bố thông tin định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN; Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được thực hiện đúng nội dung và thời gian quy định.

- Theo kết quả bình chọn do VietStock khảo sát trong năm 2012, Công ty KHPC đã được bình chọn là 1 trong 19 doanh nghiệp niêm yết có hoạt động Quan hệ với nhà đầu tư (IR) tốt nhất năm 2012.

Một số kiến nghị về hoạt động điều hành, quản lý Công ty

Về công tác quản lý

- Tuy điện năng là lĩnh vực hoạt động chính của Công ty, nhưng hoạt động này còn phụ thuộc nhiều yếu tố như giá mua điện, giá bán điện. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cần tiếp tục nghiên cứu xây dựng chiến lược kinh doanh mở hướng hoạt động khác vào các lĩnh vực dịch vụ tiện ích khác nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

- Cần tiếp tục phát huy lợi thế, đẩy mạnh việc quảng bá xây dựng thương hiệu, khai thác có hiệu quả các vị trí địa lý, mặt bằng mà Công ty đang quản lý.

- Ban Tổng Giám đốc nên trả lời hoặc giải quyết kịp thời các yêu cầu, kiến nghị của đơn vị cơ sở khi có thắc mắc và khiếu kiện xảy ra.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo mới, đào tạo lại đội ngũ nhân viên, nhân sự chủ chốt, chuyển biến ý thức người lao động tận tâm và có trách nhiệm trong công việc, đào tạo nhân viên mang tính chuyên nghiệp hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cần có chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút thêm những nhân sự có chuyên môn cao, giữ được người giỏi và có chương trình đào tạo các ngành nghề phù hợp đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh doanh đa ngành nghề của Công ty.

Về công tác tài chính

- Có biện pháp để giảm nguồn vật tư hàng tồn kho, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh và tăng vòng quay của vốn lưu động và tăng vòng quay hàng tồn kho.

- Cần nghiên cứu xây dựng những cơ chế tài chính làm đòn bẩy kích thích các đơn vị khai thác tối đa các tiềm năng trong lĩnh vực dịch vụ điện mà hiện nay vẫn là lợi thế của Công ty.

- Công ty tiếp tục tiến hành lập phương án thoái vốn tại các đơn vị mà Công ty đầu tư tài chính với hiệu quả thấp, đặc biệt là Công ty cổ phần chứng khoán Tonkin (Hà Thành) theo nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2012.

CÔNG TY NẴM GIỮ TRÊN 50% VỐN CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVN CPC) là Công ty nắm giữ 51,53 % vốn điều lệ Công ty.

CÔNG TY CÓ TRÊN 50% CỔ PHẦN DO TỔ CHỨC NIÊM YẾT NẴM GIỮ

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò (SCC) là công ty con của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (KHPC) với tỷ lệ phần vốn góp của Công ty là 58,875% vốn điều lệ của SCC. Hiện tại, vốn điều lệ của SCC là 40 tỷ đồng. Tổng số vốn góp vào Công ty này là 9.787.630.000 đồng

Hiện tại, chủ trương của HĐQT Công ty là giao Tổng Giám đốc nghiên cứu và tìm đối tác khác tham gia đầu tư. Trước mắt, tạm ngưng tiến độ thi công dự án này. SCC hiện đang xúc tiến làm việc với đối tác nước ngoài là Công ty cổ phần Maddock – Cộng hòa Czech để xây dựng phương án hợp tác đầu tư.

Về kết quả sản xuất kinh doanh: Do trong năm 2012, SCC tạm giãn tiến độ thi công nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không có phát sinh lớn.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THOẢI VỐN TẠI CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

- *Tình hình đầu tư:* Trong năm 2012, Công ty không thực hiện đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh liên kết mới. Công ty chỉ thực hiện tiếp tục đầu tư góp vốn theo như cam kết vào Công ty Đầu tư Điện lực 3 với số tiền 1,437 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 6,149 tỷ đồng.
- *Tình hình thoái vốn tại Công ty:* Trong năm 2012, Công ty đã tiến hành thoái toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần EVN Land Nha Trang qua hình thức chuyển nhượng cổ phần. Số tiền thu được từ việc chuyển nhượng là 16,2675 tỷ đồng, lãi chuyển nhượng 1.096.429.500 đồng.

TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm ĐLKH (KHCECO): vốn điều lệ 15 tỷ đồng

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chiếm 31% vốn điều lệ.

- ***Tình hình hoạt động***

Năm 2012, KPCECO đã tìm kiếm, thương thảo và ký kết hoặc tiếp tục thực hiện được một số hợp đồng cung cấp sản phẩm BTLT với khách hàng trong đó có những hợp đồng có khối lượng và giá trị tương đối lớn như: Hợp đồng cung cấp trụ điện BTLT cho KHPC, Hợp đồng cung cấp ống cống vuông cho dự án Vệ sinh môi

trường TP Cam Ranh... Mặc dù doanh thu và lợi nhuận không đạt như kế hoạch, song hoạt động SXKD vẫn duy trì, tài sản được sử dụng và khấu hao đúng kế hoạch, các khoản trả gốc và lãi vay trung, ngắn hạn thực hiện đúng hợp đồng, việc làm và thu nhập cho người lao động được duy trì tuy không khá song vẫn tương đối đảm bảo.

Kết quả sản xuất kinh doanh

STT	Khoản mục	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	42,000	30,730
2	Chi phí	Tỷ đồng		29,942
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		0,788
4	LN trước thuế /Vốn CSH	%		4
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,937	0,713

Công ty đầu tư Điện lực 3 (PC3 Invest): vốn điều lệ 600 tỷ đồng

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã góp 6,149 tỷ đồng.

• **Tình hình hoạt động**

Năm 2012, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tiếp tục tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Đăk Pône (14MW), tạm dừng thi công các hạng mục mới tại công trình thủy điện Đa Krông 1 và ngừng triển khai thêm công tác đầu tư cho dự án công trình thủy điện Sông Tranh 5.

Trong năm qua, Công ty đã tổ chức hợp lý công tác duy tu, bảo dưỡng đảm bảo nhà máy thủy điện Đăk Pône luôn hoạt động với đủ năng lực thiết kế, sản lượng điện thương phẩm cả năm đạt 45,629 triệu kWh, đạt 87,5% kế hoạch được HĐQT giao, doanh thu bán điện trước thuế là 35,709 tỷ đồng. Mặc dù doanh thu bán điện giảm nhưng nhờ giảm chi phí và tăng các khoản thu khác nên sau 2,5 năm vận hành thì nhà máy thủy điện Đăk Pône đã có lãi, thời gian lỗ kế hoạch rút ngắn được 5 năm.

• **Kết quả sản xuất kinh doanh**

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012
1. Doanh thu	Triệu đồng	47.571,70	40.158,57
2. Chi phí	Triệu đồng	53.066,87	39.825,37
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-5.549,17	333,20

Công ty Cổ phần thiết bị điện Vinasino: vốn điều lệ 115,5 tỷ đồng

Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa góp 5% vốn điều lệ, tương đương 5,775 tỷ đồng.

• **Tình hình hoạt động:**

Năm 2012, Công ty cổ phần thiết bị điện Vinasino đã phối hợp với Công ty ZHUHAI hoàn thành việc chế tạo và phê duyệt mẫu công tơ 3 pha phù hợp với thị trường Việt Nam. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm công tơ điện tử 1 pha tích hợp module PLC vào việc đo đếm điện năng kết hợp công nghệ tự động hóa thu nhập chỉ số công tơ, giám sát sử dụng điện của khách hàng. Đến nay công ty đã sản xuất và tiêu thụ được 170.000 sản phẩm công tơ 1 pha tích hợp hệ thống đo ghi từ xa và 10.000 sản phẩm công tơ 3 pha.

Bên cạnh việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm công tơ điện tử 1 pha và 3 pha, Công ty cũng đã nỗ lực trong việc tìm kiếm thị trường, làm đại lý kinh doanh, đấu thầu cung cấp thiết bị điện cho các dự án điện tại Việt Nam, nhờ đó đã gia tăng lợi nhuận sản xuất kinh doanh năm 2012. Kết quả SXKD năm 2012 có lợi nhuận ròng là 6,01 tỉ đồng, vượt so với kế hoạch lợi nhuận năm 2012 là không bị lỗ.

• **Kết quả sản xuất kinh doanh:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	so với KH (%)
1- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	121,59	113.216	91,83%
2- Tổng chi phí	Tỷ đồng		107,206	
3- Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		6,010	

Công ty Cổ phần BĐS Land Sài Gòn: Vốn điều lệ 626 tỷ đồng

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã góp 15 tỷ đồng.

• **Tình hình hoạt động:**

Trong năm 2012, Land Saigon tập trung triển khai các dự án trọng điểm sau:

+ Dự án Khu phức hợp 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5.

+ Dự án Chung cư Linh Trung, Quận Thủ Đức.

+ Dự án Chung cư Ngọc Lan (hợp tác với Công ty Savimex, Công ty CP Bất động sản Điện lực Sài Gòn Vina góp vốn 50%).

+ Đối với các dự án đã thực hiện đầu tư từ các năm trước, Công ty tiếp tục việc kinh doanh sản phẩm của dự án và thực hiện việc bàn giao sản phẩm cho khách hàng, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất/nhà ở cho khách hàng: Dự án Chung cư Ngọc Lan, Dự án Khu đô thị mới Cửa Tiền, Dự án căn hộ cao cấp Phú Hoàng Anh, Dự án Khu dân cư đường Nguyễn Văn Trỗi.

Kết quả sản xuất kinh doanh:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2012	TH năm 2012	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	156,047	47,486	30%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	99,309	20,497	21%
3	Lợi nhuận từ SXKD	Tỷ đồng		0,449	
	Trích quỹ dự phòng giảm giá CK đầu tư dài hạn	Tỷ đồng		8,332	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	56.738	26.989	48%
5	Mức cổ tức	%		4	

Công ty Cổ phần BĐS EVN Land Central: Vốn điều lệ 261 tỷ đồng

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã góp 9 tỷ đồng.

• Tình hình hoạt động

- Cho thuê văn phòng tại Tòa nhà EVNLand Central: doanh thu đạt 9.736 tr.đồng

- Hoạt động kinh doanh bất động sản:

+ Kinh doanh đất nền Khu dân cư Phú Lộc An

+ Kinh doanh căn hộ Harmony

- Tập trung triển khai các dự án trọng điểm:

+ Dự án khu phức hợp EVNLand Central Đà Nẵng – giai đoạn 1

+ Dự án khu phức hợp EVNLand Central Ban Mê

+ Dự án Khu dân cư Phú Lộc An

• Kết quả sản xuất kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2012
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	11,328
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9,934
3	Thuế TNDN	Tỷ đồng	0,432
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,960

Công ty Cổ phần Chứng khoán Toikin: Vốn điều lệ 150 tỷ đồng

Năm 2007, Công ty mua 750.000 cổ phiếu của Công ty CP CK Toikin (trước là Hà Thành), mệnh giá: 10.000 đ/cp, giá mua 25.000 đ/cp. Tổng giá trị góp vốn là 18,75 tỷ đồng. Trong năm 2012, Công ty tiếp tục trích lập thêm cho khoản dự phòng giảm giá chứng khoán này với số tiền 750 triệu đồng nâng tổng số tiền trích lập dự phòng cho khoản dự phòng giảm giá chứng khoán này là 15,75 tỷ đồng.

- **Tình hình hoạt động**

Năm 2012 tình hình hoạt động của Công ty CP Chứng khoán Toikin vẫn hết sức khó khăn. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 của Toikin lỗ 7,094 tỷ đồng.

- **Kết quả sản xuất kinh doanh**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2012
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5,585
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	12,679
3	Thuế TNDN	Tỷ đồng	0
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,094

Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Phát hành sách Fahasa:

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa có hợp tác với Công ty Cổ phần phát hành sách Fahasa trong việc mở Trung tâm bán và giới thiệu sách. Lợi nhuận hàng năm đem lại được 1,2 tỷ đồng.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty bao gồm 5 thành viên, trong đó 4/5 thành viên là những cán bộ lãnh đạo, quản lý hoạt động lâu năm trong ngành điện, 1/5 thành viên là tiến sĩ tài chính hiện đang là Trưởng bộ môn tài chính – Khoa Quản lý công nghiệp thuộc Trường Đại học Bách khoa Tp Hồ Chí Minh.

Các thành viên HĐQT có đầy đủ trình độ (01 người là tiến sĩ tài chính, 2 người trên đại học và 2 người đại học) và kinh nghiệm để đưa ra các quyết định đúng đắn về chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty. Khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các cuộc họp và các nghị quyết của HĐQT

Trong năm 2012, HĐQT Công ty đã tổ chức 5 phiên họp định kỳ hàng quý và bất thường và do yêu cầu sản xuất của Công ty có tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng hình thức văn bản. Trong các phiên họp đều có sự tham gia đầy đủ các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty. HĐQT đã ban hành 54 nghị quyết, quyết định với những nội dung quan trọng trong từng giai đoạn của hoạt động sản xuất của Công ty.

Kết quả giám sát hoạt động điều hành đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong HĐQT Công ty có 02 thành viên độc lập trong số 04 thành viên độc lập không điều hành, các thành viên này đã đóng góp rất nhiều ý kiến, phương hướng cho định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với từng thời kỳ nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

HDQT đã luôn hướng tới các chuẩn mực quản trị công ty, phù hợp với Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HDQT và các quy định của pháp luật.

Luôn theo dõi và nắm bắt kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các báo cáo, tờ trình của Ban Tổng Giám đốc, qua đó HDQT đề ra được những chủ trương, chính sách định hướng phát triển hoạt động sản xuất của Công ty.

Thực hiện chủ trương về nâng cao năng suất lao động và chất lượng lao động trong Công ty để khuyến khích nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống CBCNV.

Công tác giám sát, quản lý của HDQT đã giúp Ban Tổng Giám đốc điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HDQT nhanh chóng kịp thời hơn, đồng thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và đạt hiệu quả.

Các tiểu ban của HDQT

Nhằm đẩy mạnh hoạt động quản trị của Công ty, HDQT đã thành lập 02 tiểu ban bao gồm tiểu ban xây dựng quy chế của HDQT, tiểu ban nghiên cứu, cải tiến chế độ tiền lương của Công ty.

Tiểu ban xây dựng quy chế của HDQT do ông Trần Đình Nhân - Chủ tịch HDQT làm Trưởng tiểu ban, đã nghiên cứu sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, sửa đổi các điều trong Điều lệ Công ty cho phù hợp với quy định của Thông tư 121 của Bộ tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Tiểu ban nghiên cứu, cải tiến chế độ tiền lương do ông Dương Như Hùng – thành viên HDQT độc lập, giảng viên khoa Quản lý công nghiệp thuộc Trường Đại học Bách khoa TP HCM làm Trưởng tiểu ban. Trong năm 2012, tiểu ban đã nghiên cứu, thực hiện phỏng vấn, phân tích cơ cấu lao động, thu nhập, ... và đề xuất các giải pháp cải tiến chế độ tiền lương của Công ty nhằm tạo sự công bằng, khuyến khích nâng cao năng suất lao động cũng như sự gắn bó của người lao động đối với Công ty. Dự kiến trong quý 3/2013 sẽ triển khai áp dụng trong toàn Công ty.

CƠ CẤU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HIỆN TẠI

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
01	Trần Đình Nhân	Chủ tịch HDQT	Chủ tịch HDQT độc lập không điều hành
02	Trịnh Minh Quang	TV HDQT	Thành viên độc lập không điều hành
03	Nguyễn Thanh Lâm	TV HDQT	Thành viên kiêm nhiệm
04	Nguyễn Thanh Bình	TV HDQT	Thành viên độc lập
05	Dương Như Hùng	TV HDQT	Thành viên độc lập

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các khoản thù lao và thưởng hoàn thành vượt kế hoạch của Thành viên HĐQT

Dvt: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao	Tổng thù lao	Thưởng vượt lợi nhuận
1	Trần Đình Nhân	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	72.000.000	21.998.000
2	Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên	4.800.000	57.600.000	
3	Trịnh Minh Quang	Thành viên	4.800.000	57.600.000	9.899.000
4	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	4.800.000	57.600.000	
5	Dương Như Hùng	Thành viên	4.800.000	57.600.000	9.899.000
Tổng cộng				302.400.000	

2. Các khoản thu nhập khác Công ty chi trả cho ông Nguyễn Thanh Bình - thành viên của HĐQT: (đến thời điểm ngày 31/3/2013)

- Tiền lương do Công ty chi trả: 290.291.834 đồng
- Thưởng : 34.959.646 đồng
- Khác (Tiền ăn giữa ca,) : 33.441.306 đồng
- Tổng cộng : 358.692.786 đồng

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ vào kết quả Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012, Ban kiểm soát đã phối hợp với Phòng tài chính và một số phòng ban chức năng khác thực hiện việc kiểm tra giám sát mọi hoạt động của Công ty bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính hàng tháng, hàng quý, năm.
- Phối hợp với Phòng tài chính giám sát chặt chẽ các khoản chi phí đầu tư, mua sắm tài sản.
- Kiểm tra tình hình quản trị hàng tồn kho.
- Các chế độ chính sách đối với người lao động.
- Các thắc mắc khiếu nại của cổ đông.

Đánh giá chung của Ban kiểm soát

HĐQT với vai trò quản lý, định hướng hoạt động của Công ty đã kịp thời đưa ra nhiều chủ trương, chính sách hợp lý cho từng giai đoạn đã hỗ trợ kịp thời giúp Ban Tổng Giám đốc tập trung phát huy được nội lực, chuyên mạnh phân cấp về các đơn vị trực thuộc, nâng cao vai trò, trách nhiệm của Giám đốc các đơn vị. Đồng thời Công ty cũng đã giao khoán chi phí một cách sát sao, xây dựng các cơ chế tài chính hợp lý kích thích các đơn vị chủ động tìm kiếm các công trình thi công nhằm tăng lợi nhuận cho

Công ty và tăng thêm thu nhập cho CBCNV đơn vị. Công ty cũng đã khai thác tối đa các nguồn thu để đầu tư tài chính. Trong công tác đầu tư xây dựng, Công ty không chỉ xem xét cân nhắc về mặt kỹ thuật mà còn tính toán hiệu quả tài chính một cách hợp lý nhất.

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ và thực hiện đúng các nghị quyết, quyết định của HĐQT một cách nhanh chóng, góp phần đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng phát triển mà HĐQT đã đề ra. Đặc biệt là trong việc thực hiện các đợt giao dịch mua cổ phiếu quỹ (giá mua bình quân là 7.449 đồng/CP), triển khai hoạt động đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn theo quyết định của HĐQT đã phê duyệt hiệu quả, tiết kiệm chi phí. Về công tác luân chuyển, thực hiện chủ trương của HĐQT, trong năm 2012 Công ty đã thực hiện công tác luân chuyển những vị trí công tác nhạy cảm nhằm tránh những tiêu cực... nhưng vẫn đảm bảo sự ổn định của các đơn vị. Tháng 3/2013, Công ty đã thực hiện xong việc điều động, bổ nhiệm và luân chuyển các Giám đốc các đơn vị trực thuộc theo chủ trương của HĐQT trong công tác luân chuyển cán bộ quản lý của Công ty nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời tạo điều kiện để rèn luyện, thử thách những cán bộ trong quy hoạch nhằm đào tạo đội những cán bộ kế cận, đáp ứng được sự phát triển của Công ty trong tương lai.

CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT HIỆN TẠI

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
01	Tô Hiếu Thuận	Trưởng Ban kiểm soát	
02	Hồ Thăng Thu	Thành viên Ban kiểm soát	
03	Nguyễn Thành Cừ	Thành viên Ban kiểm soát	

THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các khoản thù lao và thưởng hoàn thành vượt kế hoạch của Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức thù lao	Tổng thù lao	<i>Dvt: đồng</i>
					Thưởng vượt lợi nhuận
1	Tô Hiếu Thuận	Trưởng ban	4.800.000	57.600.000	9.899.000
2	Nguyễn Thành Cừ	Thành viên	3.600.000	43.200.000	8.799.000
3	Hồ Thăng Thu	Thành viên	3.600.000	43.200.000	8.799.000
Tổng cộng				144.000.000	



TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN KHÁC CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tiền lương và các khoản lợi ích khác của Tổng Giám đốc trong năm 2012 (không bao gồm thù lao thành viên HĐQT Công ty): Tính đến thời điểm ngày 31/3/2013

- Tiền lương: 461.663.751 đồng
 - Thưởng : 61.608.138 đồng
 - Thù lao TV HĐQT tại các công ty khác có tham gia góp vốn: 120.800.000 đồng
 - Khác : 43.024.122 đồng
- Tổng cộng: **687.096.011** đồng

KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2012, HĐQT Công ty đã thành lập thêm Tiểu ban nghiên cứu, cải tiến chế độ tiền lương của Công ty và đầu năm 2013 đã thành lập lại Tiểu ban xây dựng quy chế của HĐQT.

- Tiểu ban xây dựng quy chế của HĐQT do ông Trần Đình Nhân - Chủ tịch HĐQT làm Trưởng tiểu ban, đã nghiên cứu sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, sửa đổi các điều trong Điều lệ Công ty cho phù hợp với quy định của Thông tư 121 của Bộ tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

- Tiểu ban nghiên cứu, cải tiến chế độ tiền lương do ông Dương Như Hùng – thành viên HĐQT độc lập, giảng viên khoa Quản lý công nghiệp thuộc Trường Đại học Bách khoa TP HCM làm Trưởng tiểu ban. Trong năm 2012, tiểu ban đã nghiên cứu, thực hiện phỏng vấn, phân tích cơ cấu lao động, thu nhập, ... và đề xuất các giải pháp cải tiến chế độ tiền lương của Công ty nhằm tạo sự công bằng, khuyến khích nâng cao năng suất lao động cũng như sự gắn bó của người lao động đối với Công ty. Dự kiến trong quý 3/2013 sẽ triển khai áp dụng trong toàn Công ty.

Nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị Công ty trong thời gian đến, HĐQT Công ty đã đề ra những giải pháp:

- Tiếp tục điều chỉnh cơ chế phân cấp quản lý phù hợp với năng lực và khả năng của các đơn vị, giao kế hoạch lợi nhuận sản xuất điện cho các Điện lực và kế hoạch lợi nhuận sản xuất kinh doanh khác cho các đơn vị của Công ty. Tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong toàn Công ty.
- Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp của Công ty theo định hướng và các hướng dẫn xây dựng văn hóa của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung.

- Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế, quy định quản trị Công ty để nâng cao năng lực quản trị Công ty
- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong Công ty nhằm Tạo điều kiện để người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động. Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của Lãnh đạo Công ty đối với người lao động; tạo điều kiện và nâng cao vai trò để các tổ chức đoàn thể trong Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động. Qua đó, thiết lập mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định, góp phần ngăn ngừa và hạn chế tranh chấp lao động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện việc sửa đổi, ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ Công ty phù hợp với cơ cấu tổ chức, phân cấp quản lý và sự phối hợp giữa các đơn vị trong Công ty; thành lập và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ Công ty.
- Xây dựng và áp dụng mô hình tổ chức chung cho các diện lực trực thuộc phù hợp với Ngành và đáp ứng được yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

- Ông Trần Đình Nhân – Chủ tịch HĐQT Công ty đã có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty như:

- + Quản lý dự án, Quản lý đấu thầu;
- + Quản lý nguồn nhân lực;
- + Xây dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp;
- + Chứng chỉ về kế toán và kinh doanh do Công ty British Petroleum và Đại học Đà Nẵng cấp.

- Ông Nguyễn Thanh Lâm – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đã có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty như:

- + Giám đốc điều hành CEO.
- + Kỹ năng điều hành doanh nghiệp.
- Ông Tô Hiếu Thuận – Trưởng Ban kiểm soát đã có chứng nhận bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh tế & Chuẩn mực kế toán – Kiểm toán Việt Nam do Công ty kiểm toán & tư vấn A&C cấp.

HĐQT và Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện việc tham gia các lớp đào tạo về quản trị Công ty trong năm 2013.



Biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 31/12/2012, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa là 1.184 người

Trong đó : Lao động theo hợp đồng ngắn hạn : 0 người

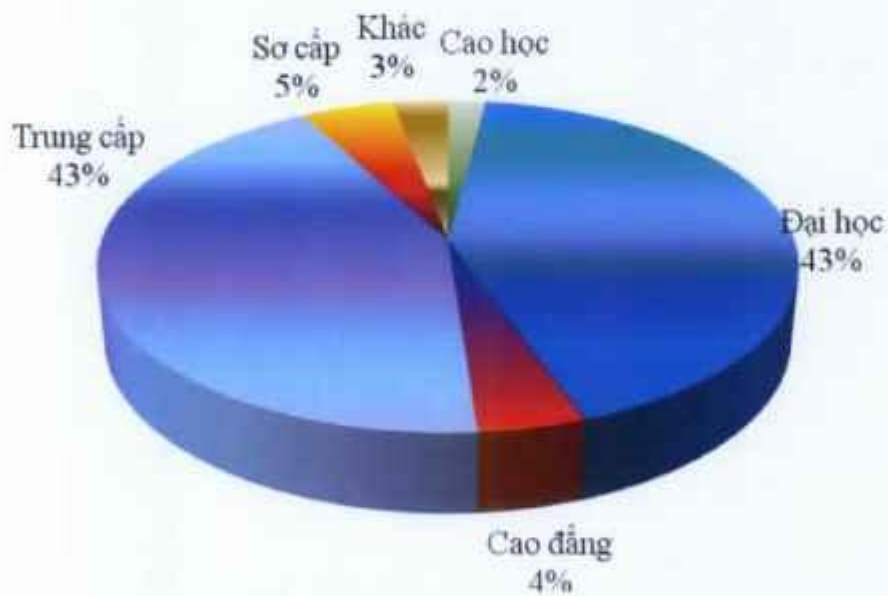
Lao động theo hợp đồng dài hạn : 1.184 người

Lao động gián tiếp : 175 người

+*Riêng CBQL* : 103 người

Lao động trực tiếp : 1.009 người

Cơ cấu trình độ cán bộ nhân viên NĐTC 2011-2012



Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Để xây dựng được một đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực chuyên môn, có tư cách đạo đức và có tâm huyết đối với công việc được giao nhằm phục vụ cho quá trình phát triển cũng như đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong một môi trường cạnh tranh đầy khốc liệt, Công ty luôn chú trọng đến công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực.

Trong năm 2012, Công ty đã liên tục cho CBCNV tham gia các lớp nâng cao kiến thức, kỹ năng như: nghiệp vụ, kiến thức hành chính, văn thư, kỹ năng phân tích, đánh giá các dự án đầu tư, kiến thức pháp luật, thanh tra, đánh giá tình hình tài chính, báo cáo thuế,... ; Các khóa đào tạo về nghiệp vụ và được cấp chứng chỉ hành nghề như: nghiệp vụ đầu thầu, giám sát thi công công trình, thiết kế công trình, ... Tổng số được đưa đi đào tạo là 320 lượt người với tổng kinh phí thực hiện là: 1,506 tỷ đồng

Chế độ chính sách đối với người lao động

Trong giai đoạn kinh tế khó khăn như hiện nay, để duy trì đội ngũ cán bộ, nhân viên giỏi cũng như thu hút thêm người tài, Công ty không ngừng cải thiện môi trường làm việc cũng như chú trọng xây dựng chế độ lương, thưởng và phúc lợi hấp dẫn nhằm động viên người lao động gắn bó với Công ty, nâng cao năng suất và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân, nhờ đó đảm bảo được sự phát triển bền vững của Công ty. Cụ thể:

- Hàng năm, người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động.
- Hàng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ và nghỉ dưỡng cho người lao động. Có thay đổi các nội dung khám sức khỏe chuyên đề hàng năm cho Người lao động.
- Thực hiện đầy đủ việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp bảo hiểm tai nạn theo quy định cho người lao động, các chế độ khác như bảo hiểm kết hợp con người, trợ cấp thôi việc, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, khó khăn...
- Công ty đã thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần. Thực hiện việc trích bồi dưỡng chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại, ca ba cho người lao động.
- Công ty đã xây dựng và áp dụng hiệu quả các chính sách khác như: chính sách tuyển dụng lao động, quy chế sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ tương trợ, quy chế chấm điểm thi đua trong sản xuất kinh doanh điện năng, quy chế hoạt động sản xuất khác ngoài sản xuất kinh doanh điện năng ...

- Công ty luôn bảo đảm việc làm, tiền lương, thu nhập và phúc lợi tập thể cho người lao động trong Công ty.



Sinh hoạt nữ công nhân lao động Công ty



Hội thi an toàn vệ sinh viên giỏi Công ty



Tổ chức tham quan học tập cho CBCNV



Họp mặt CBCNV hưu trí của Công ty



TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẪM GIỮ CỔ PHẦN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

Thành viên HĐQT

TT	Họ và tên	Số CP sở hữu đầu năm				Số CP sở hữu cuối năm			
		Cá nhân	Đại diện	Tổng	Tỷ lệ %	Cá nhân	Đại diện	Tổng	Tỷ lệ %
1	Trần Đình Nhân	0	13.101.167	13.101.167	31,53	0	13.101.167	13.101.167	31,53
2	Nguyễn Thanh Lâm	41.648	4.155.130	4.196.778	10,10	41.648	4.155.130	4.196.778	10,10
3	Nguyễn Thanh Bình	30.720	0	30.720	0,07	30.720	0	30.720	0,07
4	Trịnh Minh Quang	0	4.155.130	4.155.130	10,00	0	4.155.130	4.155.130	10,00
5	Dương Như Hùng	0	0	0	0,00	0	0	0	0,00

Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Số CP sở hữu đầu năm		Số CP sở hữu cuối năm	
		Cá nhân	Tỷ lệ %	Cá nhân	Tỷ lệ %
1	Tô Hiếu Thuận	2.400	0,01%	2.400	0,01%
2	Hồ Thăng Thu	0	0,00%	0	0,00%
3	Nguyễn Thành Cử	53.016	0,13%	53.016	0,13%

Trong năm 2012 các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty và những người có liên quan không có bất kỳ một giao dịch mua/bán cổ phiếu của Công ty, không có bất cứ một giao dịch nào liên quan đến quyền lợi của họ với Công ty như: mua bán mua bán nguyên liệu, vật tư, và các giao dịch khác.

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG ĐẾN THỜI ĐIỂM NGÀY 04/03/2013

Cổ đông Nhà nước

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa có cổ đông Nhà nước là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung 51,53% vốn điều lệ Công ty.

STT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	393 Trưng Nữ Vương – Đà Nẵng	21.411.427	51,53%

Cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	393 Trưng Nữ Vương – Đà Nẵng	21.411.427	51,53%

Cổ đông sáng lập

STT	Tên	Năm sinh	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		393 Trưng Nữ Vương – Đà Nẵng	21.411.427	51,53%
2	Bùi Quang Hùng	1955	53A Yersin – Nha Trang – Khánh Hòa	51.198	0,12%
3	Cao Thành Đức	1949	55 Cao Bá Quát – Nha Trang – Khánh Hòa	6	0,00001%
4	Cao Thụy		9A Lê Thánh Tôn – Nha Trang – Khánh Hòa	662	0,002%

Ghi chú: Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 30/6/2005, vì vậy tính đến thời điểm hiện tại, mọi điều kiện chuyển nhượng áp dụng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 04/3/2013

DANH MỤC	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Cổ đông cá nhân	16.921.281	40,72%	509.314	1,23%	17.430.595	41,95%
Từ 5% trở lên	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Dưới 5%	16.921.281	40,72%	509.314	1,23%	17.430.595	41,95%
Cổ đông pháp nhân	21.458.247	51,64%	1.162.454	2,80%	22.620.701	54,44%
Từ 5% trở lên	21.411.427	51,53%	0	0,00%	21.411.427	51,53%
Dưới 5%	46.820	0,11%	1.162.454	2,80%	1.209.274	2,91%
Cổ phiếu quỹ	1.500.000	3,61%	-	0,00%	1.500.000	3,61%
Tổng cộng	39.879.528	95,97%	1.671.768	4,03%	41.551.296	100,00%

Bao gồm 3.860 cổ đông sở hữu 40.051.296 cổ phiếu

(Không tính 1.500.000 cổ phiếu quỹ)

1. Tổ chức, trong đó :	62 cổ đông sở hữu	22.495.105 cổ phiếu
- Trong nước	52 cổ đông sở hữu	21.458.247 cổ phiếu
- Ngoài nước	09 cổ đông sở hữu	1.162.454 cổ phiếu
2. Cá nhân, trong đó :	3.797 cổ đông sở hữu	17.430.595 cổ phiếu
- Trong nước	3.671 cổ đông sở hữu	16.921.281 cổ phiếu
- Ngoài nước	126 cổ đông sở hữu	509.314 cổ phiếu

Khánh Hòa, ngày 7 tháng 4 năm 2013

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Đình Nhân



PHỤ LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2012

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- Ông Trần Đình Nhân - Chủ tịch
- Ông Nguyễn Thanh Lâm - Thành viên
- Ông Nguyễn Thanh Bình - Thành viên
- Ông Dương Như Hùng - Thành viên
- Ông Trịnh Minh Quang - Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Thanh Lâm - Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Cao Kỳ - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Đăng Hiền - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Kim Hoàng - Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Lâm
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 3 tháng 3 năm 2013

001
CƠ
H NH
EL
ỆT
ĐA

Số: 780 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2013 từ trang 5 đến trang 35. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2500
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DEL
ITTE
KH
ANH HOA
TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”). Thông tư 179 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ngoại trừ việc cho phép Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Quy định này tại Thông tư 179 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) - “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Lan Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0898/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		531.476.723.454	381.076.503.933
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	393.657.083.901	267.593.059.827
1. Tiền	111		24.110.083.901	13.720.609.827
2. Các khoản tương đương tiền	112		369.547.000.000	253.872.450.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.495.595.261	894.789.716
1. Đầu tư ngắn hạn	121		17.495.595.261	894.789.716
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.379.685.928	46.714.842.782
1. Phải thu khách hàng	131		47.268.036.130	33.159.012.078
2. Trả trước cho người bán	132		7.010.458.426	10.542.878.138
3. Các khoản phải thu khác	135		5.238.967.765	9.185.213.086
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.137.776.393)	(6.172.260.520)
IV. Hàng tồn kho	140	6	59.346.010.317	63.166.992.121
1. Hàng tồn kho	141		60.055.496.827	63.907.657.332
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(709.486.510)	(740.665.211)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.598.348.047	2.706.819.487
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.064.800.785	48.152.281
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.839.007.233	1.942.246.846
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		694.540.029	716.420.360
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		548.702.265.941	613.945.669.029
I. Tài sản cố định	220		487.436.332.720	539.359.206.048
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	452.962.627.835	522.274.049.208
- Nguyên giá	222		1.400.073.913.027	1.354.260.849.316
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(947.111.285.192)	(831.986.800.108)
2. Tài sản cố định vô hình	227		53.001.683	58.606.933
- Nguyên giá	228		279.273.931	310.373.931
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(226.272.248)	(251.766.998)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	34.420.703.202	17.026.549.907
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		54.166.729.422	65.338.264.263
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	5.776.869.333	5.833.764.263
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	64.934.000.000	74.504.500.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(16.544.139.911)	(15.000.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		7.099.203.799	9.248.198.718
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.830.586.310	7.172.598.718
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.236.767.489	2.043.750.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		31.850.000	31.850.000
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.080.178.989.395	995.022.172.962

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012		31/12/2011	
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		531.586.914.139		493.079.203.904	
I. Nợ ngắn hạn	310		322.322.468.686		250.060.739.824	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	49.310.354.457		34.207.162.350	
2. Phải trả người bán	312		164.652.168.212		126.027.013.981	
3. Người mua trả tiền trước	313		18.457.705.796		19.506.160.582	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		8.133.848.136		1.670.216.690	
5. Phải trả người lao động	315		40.950.275.027		39.103.832.686	
6. Chi phí phải trả	316	14	17.026.833.040		11.947.119.783	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	8.319.538.504		7.919.651.375	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		15.471.745.514		9.679.582.377	
II. Nợ dài hạn	330		209.264.445.453		243.018.464.080	
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	202.720.437.083		238.240.586.692	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-		2.825.511.860	
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		6.544.008.370		1.952.365.528	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		544.646.553.784		497.997.447.586	
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	544.646.553.784		497.997.447.586	
1. Vốn điều lệ	411		415.512.960.000		415.512.960.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(470.673.364)		(470.673.364)	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		22.926.163.891		8.816.439.915	
4. Cổ phiếu quỹ	414		(11.173.978.888)		(9.348.303.243)	
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		(1.143.942.394)	
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.710.421.391		4.293.183.739	
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.261.561.837		12.995.197.381	
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		80.880.098.917		67.342.585.552	
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		3.945.521.472		3.945.521.472	
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		1.080.178.989.395		995.022.172.962	
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
CHỈ TIÊU			31/12/2012		31/12/2011	
1. Nợ khó đòi đã xử lý			5.113.043.819		4.986.335.318	
2. Vật tư thu hồi			190.196.980		438.370.697	

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 3 năm 2013

Người lập



Nguyễn Thị Chí

Kế toán trưởng



Trần Thị Triều Linh

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thanh Lâm

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.900.251.282.182	1.551.153.013.106
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	7.732.981
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.900.251.282.182	1.551.145.280.125
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	1.713.701.012.782	1.406.729.888.773
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		186.550.269.400	144.415.391.352
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	36.438.242.425	52.867.327.900
7. Chi phí tài chính	22	21	11.800.146.350	23.556.853.183
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.424.762.326	15.244.789.443
8. Chi phí bán hàng	24		60.450.722.470	57.546.716.857
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		46.853.531.045	36.071.346.794
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		103.884.111.960	80.107.802.418
11. Thu nhập khác	31	22	56.459.408.906	11.974.179.032
12. Chi phí khác	32	23	22.927.575.058	2.303.992.481
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		33.531.833.848	9.670.186.551
14. (Lỗ)/Lợi nhuận trong công ty liên kết	45		(56.894.930)	950.556.388
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		137.359.050.878	90.728.545.357
15.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	26.982.515.896	17.713.755.684
15.2 (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		(193.017.489)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		110.569.552.471	73.014.789.673
16.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
16.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		110.569.552.471	73.014.789.673
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.407	1.739

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 3 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Chi

Trần Thị Triều Linh

Nguyễn Thanh Lâm

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	137.359.050.878	90.728.545.357
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	122.036.672.968	102.093.568.431
Các khoản dự phòng	03	478.477.083	2.667.368.902
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(60.351.893)	6.143.911.178
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(20.827.536.746)	(56.324.472.469)
Chi phí lãi vay	06	8.424.762.326	15.244.789.443
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	247.411.074.616	160.553.710.842
Thay đổi các khoản phải thu	09	(7.282.287.556)	(1.484.282.489)
Thay đổi hàng tồn kho	10	3.852.160.505	15.440.188.466
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.260.887.484)	37.209.869.862
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	2.051.526.756	(356.800.600)
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.996.862.898)	(11.093.368.641)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.259.248.247)	(18.519.655.420)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	270.052.422	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(9.830.730.814)	(9.339.456.029)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	194.954.797.300	172.410.205.991
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(59.006.223.283)	(140.623.217.999)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	3.741.707.224	9.094.472.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(21.860.805.545)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	22.244.019.451
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.437.000.000)	(3.594.630.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	16.267.500.000	
7. Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.289.843.101	51.716.787.166
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.004.978.503)	(61.162.569.382)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(1.825.675.645)	(9.348.303.243)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	719.700.000.000	90.702.283.020
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(710.706.980.978)	(214.102.685.773)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(48.053.138.100)	(49.365.514.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(40.885.794.723)	(182.114.220.296)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	126.064.024.074	(70.866.583.687)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	267.593.059.827	338.459.643.514
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	393.657.083.901	267.593.059.827

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm:

- Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 13.263.600.166 VND (2011: 27.769.286.854 VND), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.
- Tiền chi trả nợ gốc vay không bao gồm số tiền 40 tỷ VND là giá trị tài sản cố định nhận bàn giao từ Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia trong năm 2011 và Công ty đã ghi nhận là khoản nợ dài hạn. Công ty đã ký hợp đồng mua các tài sản này trong năm 2012, theo đó, khoản mục tăng, giảm khoản phải trả đã được điều chỉnh với số tiền tương ứng.
- Các nghiệp vụ phân chia lợi nhuận sau thuế để tăng vốn điều lệ và tăng các quỹ được trình bày tại Thuyết minh số 17.

Người lập

Nguyễn Thị Chí

Kế toán trưởng

Trần Thị Triều Linh

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Lâm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Điện lực Khánh Hòa - Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 06 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa và chuyển Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2005.

Theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa sẽ được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi là 415.512.960.000 VND, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51,53%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 48,47%.

Trụ sở chính của Công ty tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 5 số 4200601069 ngày 17 tháng 5 năm 2010, bao gồm các hoạt động sau:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng. Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV và các công trình viễn thông;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện;
- Kinh doanh thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh thương mại, thiết bị và phần mềm máy vi tính;
- Đại lý bán hàng vật tư, thiết bị điện;
- Dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng, kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng và internet;
- Vận chuyển hàng hóa;
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến dưới 110KV cấp 2, nhà máy điện cấp 4. Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110KV. Kiểm định công tơ điện;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí (trừ máy móc, thiết bị); và
- Đại lý bảo hiểm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

500
T
H
T
A
P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
 Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc thực tế đích danh). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các công trình hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng nhưng chưa được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao hoặc theo giá dự toán. Khi công trình được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012	2011
	Số năm	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 20	3 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 10	3 - 10
Dụng cụ quản lý, tài sản khác	3 - 25	3 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi số cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ có giá trị bằng hoặc thấp hơn 2 triệu VND được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 1 năm.

Các công cụ, dụng cụ có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian 24 tháng kể từ ngày xuất dùng.

Nguồn vốn - quỹ

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi là 415.512.960.000 VND, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51,53%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 48,47%.

Các quỹ bao gồm Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi... Việc trích lập các quỹ này do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

310
C
KCH
DE
VII
84

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ giảm 1.143.942.394 VND và lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng 1.143.942.394 VND và số dư khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ tăng 1.143.942.394 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	295.087.512	280.417.227
Tiền gửi ngân hàng	23.814.996.389	13.440.192.600
Các khoản tương đương tiền	369.547.000.000	253.872.450.000
	<u>393.657.083.901</u>	<u>267.593.059.827</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	28.564.406.444	40.025.787.165
Công cụ, dụng cụ	7.739.035.431	2.955.677.659
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.752.054.952	19.929.739.496
Hàng hoá	-	996.453.012
Cộng	<u>60.055.496.827</u>	<u>63.907.657.332</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(709.486.510)	(740.665.211)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>59.346.010.317</u>	<u>63.166.992.121</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, t.bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	52.466.240.151	471.260.592.492	817.907.674.042	9.952.047.284	2.674.295.347	1.354.260.849.316
Mua sắm mới	40.578.608	16.921.805.374	1.865.467.506	843.202.480	-	19.671.053.968
XDCB hoàn thành	(1.341.663.735)	2.455.298.702	31.979.085.967	-	-	33.092.720.934
Tăng khác	-	9.023.209.518	12.400.762.929	107.050.000	-	21.531.022.447
Thanh lý	(1.437.867.828)	(9.731.368.280)	(11.986.409.716)	(367.261.394)	(65.378.748)	(23.588.285.966)
Giảm khác	-	(3.916.490.318)	(666.850.160)	(310.107.194)	-	(4.893.447.672)
Tại ngày 31/12/2012	49.727.287.196	486.013.047.488	851.499.730.568	10.224.931.176	2.608.916.599	1.400.073.913.027
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	19.446.527.813	243.281.240.170	562.541.524.067	6.009.421.171	708.086.887	831.986.800.108
Trích khấu hao trong năm	5.337.797.554	52.555.431.118	61.930.006.992	1.921.821.855	277.310.203	122.022.367.722
Tăng khác	-	1.126.153.782	98.208.776	-	-	1.224.362.558
Thanh lý	(886.244.201)	(3.587.819.555)	(2.765.940.021)	(361.634.865)	(65.378.748)	(7.667.017.390)
Giảm khác	-	(145.120.612)	-	(310.107.194)	-	(455.227.806)
Tại ngày 31/12/2012	23.898.081.166	293.229.884.903	621.803.799.814	7.259.500.967	920.018.342	947.111.285.192
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	33.019.712.338	227.979.352.322	255.366.149.975	3.942.626.113	1.966.208.460	522.274.049.208
Tại ngày 31/12/2012	25.829.206.030	192.783.162.585	229.695.930.754	2.965.430.209	1.688.898.257	452.962.627.835

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, một số tài sản bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 99.346.348.230 VND (31/12/2011: 142.185.361.903 VND) được sử dụng để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 316.633.565.800 VND (31/12/2011: 272.150.188.651 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày 01/01	17.026.549.907	56.128.254.132
Tăng trong năm	77.560.353.490	110.030.357.984
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(33.092.720.934)	(120.022.669.212)
Chi phí sửa chữa lớn hoàn thành trong năm	(27.073.479.261)	(29.109.392.997)
Tại ngày 31/12	34.420.703.202	17.026.549.907

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	Số 12A Yersin, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	56,88	56,88	Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; Kinh doanh vật tư, thiết bị điện.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	4.650.000.000
Phần lợi nhuận, cổ tức được chia đã nhận	1.126.869.333	1.183.764.263
	5.776.869.333	5.833.764.263

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Khánh Hòa	31	31	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin tài chính tóm tắt sau soát xét về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	39.892.369.547	44.212.166.749
Tổng công nợ	19.892.655.891	23.625.793.665
Tài sản thuần	19.999.713.656	20.586.373.084
	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Doanh thu	31.358.320.802	37.747.968.876
Lợi nhuận thuần	713.340.572	2.639.525.489

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực miền Trung	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Sài Gòn Vina	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	6.149.000.000	4.712.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Nha Trang	-	16.267.500.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện VINASINO	5.775.000.000	5.775.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	3.600.000.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam- Chi nhánh Nha Trang	660.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Khánh Hòa	1.000.000.000	-
	<u>64.934.000.000</u>	<u>74.504.500.000</u>
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin	(15.750.000.000)	(15.000.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	(182.509.685)	-
Công ty Cổ phần Thiết bị điện VINASINO	(611.630.226)	-
Cộng	<u>(16.544.139.911)</u>	<u>(15.000.000.000)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cho các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần chứng khoán Tonkin (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành), Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 và Công ty Cổ phần Thiết bị điện VINASINO với giá trị là 16.544.139.911 VND.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được xem là đầu tư dài hạn để nhận cổ tức và ghi nhận theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc trình bày các khoản đầu tư dài hạn theo giá gốc là phù hợp và các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, nếu có, sẽ không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Tại ngày 01/01	7.172.598.718	7.066.082.739
Tăng trong năm	16.088.621.106	21.563.239.467
Phân bổ vào chi phí trong năm	(17.630.909.134)	(21.456.723.488)
Bàn giao cho Viettel	(799.724.380)	-
Tại ngày 31/12	<u>4.830.586.310</u>	<u>7.172.598.718</u>

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	27.662.000.000	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	21.648.354.457	34.207.162.350
	<u>49.310.354.457</u>	<u>34.207.162.350</u>

Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 0582/12/TD/VII ngày 24 tháng 12 năm 2012. Khoản vay chịu lãi suất 9%/năm và được bảo đảm bằng hợp đồng gửi vốn số 253.12/HDTG-ABB-KH ngày 19 tháng 12 năm 2012 và 256.12/HDTG-ABB-KH ngày 22 tháng 12 năm 2012, có thời hạn 3 tuần kể từ ngày rút vốn đầu tiên để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.702.095.786	10.565.875.938
Khác	15.324.737.254	1.381.243.845
	<u>17.026.833.040</u>	<u>11.947.119.783</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT	1.179.894.722	1.869.296.766
Nhận tiền đặt cọc mua điện kế	3.962.595.651	2.863.611.049
Các khoản phải trả khác	3.177.048.131	3.186.743.560
	<u>8.319.538.504</u>	<u>7.919.651.375</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	116.110.426.177	139.381.112.678
<u>Đường dây và trạm 110KV</u>		
Trạm 110KV Đồng Đế (1)	-	271.000.000
Trạm 110KV Bình Tân và nhánh rẽ (2)	7.861.097.880	9.661.097.880
Trạm 110KV Nha Trang (3)	5.158.552.101	7.202.917.873
Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới (4)	26.201.336.890	27.965.545.029
<u>Các khoản vay khác</u>		
<u>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</u>		
Lưới điện thành phố Nha Trang (5)	14.879.812.700	20.844.748.763
Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối thị trấn Diên Khánh (6)	13.133.472.000	20.613.844.299
Trạm Biến áp 110kV Ninh Thủy và nhánh rẽ (7)	33.472.639.361	33.493.544.589
<u>Ngân hàng Phát triển Việt Nam</u>		
Phù điện khu vực vùng lõm, vùng trắng (8)	8.536.750.445	10.721.332.845
Trạm 110KV Nam Cam Ranh (9)	2.026.764.800	2.842.982.400
<u>Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa</u>		
Phù điện khu vực vùng lõm, vùng trắng (10)	4.840.000.000	5.764.099.000
Nợ dài hạn	108.258.365.363	133.066.636.364
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (11)	-	40.000.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (12)	18.663.405.103	14.876.400.538
Công ty Địa chính Khánh Hòa (12)	15.835.192.682	15.835.192.682
Công ty TNHH Long Phú (12)	2.633.913.328	3.010.186.657
Công ty Cổ phần An Viên (13)	15.643.502.000	15.643.502.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vinaconex - UPGC (14)	-	15.269.470.480
Ban Quản lý Dự án các công trình trọng điểm Khánh Hòa (15)	11.698.961.191	11.698.961.191
Ban quản lý Dự án các công trình Xây dựng Nha Trang (16)	8.239.169.000	8.239.169.000
Trung tâm phát triển quỹ đất Khánh Hòa (17)	3.738.199.000	-
UBND Diên Khánh (18)	2.281.671.000	-
Các đối tượng khác (19)	29.524.352.059	8.493.753.816
	<u>224.368.791.540</u>	<u>272.447.749.042</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	<u>21.648.354.457</u>	<u>34.207.162.350</u>
Trong đó: <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>18.785.378.226</i>	<i>19.469.279.088</i>
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>2.862.976.231</i>	<i>14.737.883.262</i>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>202.720.437.083</u>	<u>238.240.586.692</u>

- (1) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 8.071.000.000 VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 4 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả hàng quý và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau được niêm yết tại hội sở Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng cộng chi phí biên 3,2%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (2) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 12.927.243.309 VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 9 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 3,2%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (3) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 737.828,59 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 7,5 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất 6,9%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (4) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 1.510.525,89 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 19 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả trong 36 kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2010 và chịu lãi suất 1%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (5) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) cho dự án "Lưới điện thành phố Nha Trang", lãi suất vay là 6,90%/năm.
- (6) Đây là khoản vay của 2 hợp đồng:
 - Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) với lãi suất 6,82%/năm.
 - Hợp đồng cho vay lại vốn tín dụng đầu tư phát triển ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) với lãi suất 6,6%/năm.
- (7) Hợp đồng cho vay lại từ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung với nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới (Hiệp định 7867-VN) thuộc chương trình "Hỗ trợ phát triển chính sách cải cách ngành điện giai đoạn 1 - DPL1". Khoản vay này được sử dụng để đầu tư Công trình Trạm biến áp 110KV Ninh Thủy và nhánh rẽ theo danh mục dự án sử dụng vốn của Khoản chương trình đã được Bộ Công thương phê duyệt. Khoản vay trị giá 1.608.094,47 USD và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 25 năm kể từ năm 2010, bao gồm 10 năm ân hạn. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 05 tháng 02 năm 2021, khoản vay chịu lãi suất LIBOR của đồng USD cộng khoản chênh lệch biến đổi. Khoản chênh lệch biến đổi sẽ được xem xét định kỳ điều chỉnh vào ngày 30/6 và 31/12 hàng năm.
- (8) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Phù điện khu vực vùng lõm, vùng trắng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 18.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (9) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Trạm biến áp 110KV Nam Cam Ranh". Khoản vay này có hạn mức 16.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 57 tháng kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 54 tháng từ tháng 1 năm 2012 và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (10) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 7.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 1 năm 2012 và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (11) Trong năm 2010, Công ty nhận nợ từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến tài sản bàn giao là Công trình Trạm biến áp 110KV Bán đảo Cam Ranh và Nhánh rẽ với số tiền tạm ghi nhận là 40 tỷ VND. Ngày 22 tháng 11 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản với Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia số T11/EVNNPT-KHPC với tổng giá trị chuyển nhượng tạm thời trước thuế là 40.083.445.196 VND. Giá trị chính thức của hợp đồng sẽ căn cứ vào kết quả định giá của đơn vị tư vấn độc lập.
- (12) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Lưới điện Khu đô thị mới Vĩnh Hòa nhận từ Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khánh Hòa (trước đây là Công ty Địa chính Khánh Hòa). Khoản nhận nợ này trả đều trong 20 năm kể từ năm 2011 và không chịu lãi suất.
- (13) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện ngầm trung hạ áp và các Trạm Biến áp khu đô thị biển An Viên nhận từ Công ty Cổ phần An Viên theo Biên bản bàn giao công trình ngày 01 tháng 10 năm 2011. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và chưa có lịch trả nợ chi tiết.
- (14) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện trung hạ áp và các trạm biến áp khu đô thị Vĩnh Diễm Trung nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vinaconex – UPGC. Ngày 31 tháng 12 năm 2012, hai bên đã ký biên bản làm việc, theo đó, tài sản trên sẽ chuyển giao hoàn vốn cho Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty đã ghi nhận tăng thu nhập khác và tăng vốn tương ứng với phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
- (15) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống cung cấp nguồn điện phần còn lại của đường Nguyễn Tất Thành nhận từ Ban Quản lý Dự án các Công trình trọng điểm Khánh Hòa. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, khoản nhận nợ này chưa xác định lãi suất và lịch trả nợ chi tiết.
- (16) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện trung hạ áp và trạm biến áp Cấp điện sinh hoạt khu dân cư Đất Lành thuộc dự án khu dân cư Đất Lành nhận từ Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng Nha Trang. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, khoản nhận nợ này chưa xác định lãi suất và lịch trả nợ chi tiết.
- (17) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hạng mục Xây lắp cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng thuộc Công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Hòn Đỏ và Khu tái định cư Vĩnh Trường nhận từ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa. Khoản nhận nợ này chưa xác định lãi suất và lịch trả nợ chi tiết.
- (18) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện trung áp 22kV vùng nguyên liệu mica Diên Khánh nhận từ Ủy ban nhân dân Diên Khánh. Khoản nhận nợ này chưa xác định lãi suất và lịch trả nợ chi tiết.
- (19) Khoản nợ dài hạn tương ứng với các tài sản thuộc lưới trung, hạ áp nhận bàn giao từ các cơ quan Nhà nước và các đơn vị khác trong địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Các khoản nhận nợ này chưa xác định lãi suất và lịch trả nợ chi tiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	21.648.354.457	34.207.162.350
Trong năm thứ hai	23.361.983.473	23.974.574.680
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	27.819.712.943	57.907.486.512
Sau năm năm	151.538.740.667	156.358.525.500
	224.368.791.540	272.447.749.042
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	21.648.354.457	34.207.162.350
Số phải trả sau 12 tháng	202.720.437.083	238.240.586.692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	415.512.960.000	(470.673.364)	7.384.665.915	(597.915.034)	4.293.183.739	9.765.543.547	-	58.448.701.917	494.336.466.720
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	73.014.789.673	73.014.789.673
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(546.027.360)	-	-	-	-	(546.027.360)
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn khác	-	-	1.431.774.000	-	-	-	-	(1.431.774.000)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	3.229.653.834,00	-	(3.229.653.834)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	(9.348.303.243)	-	(9.348.303.243)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(10.097.923.004)	(10.097.923.004)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(49.361.555.200)	(49.361.555.200)
Tại ngày 01/01/2012	415.512.960.000	(470.673.364)	8.816.439.915	(1.143.942.394)	4.293.183.739	12.995.197.381	(9.348.303.243)	67.342.585.552	497.997.447.586
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	110.569.552.471	110.569.552.471
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.143.942.394	-	-	-	-	1.143.942.394
Mua cổ phiếu quỹ (1)	-	-	-	-	-	-	(1.825.675.645)	-	(1.825.675.645)
Tăng vốn khác (2)	-	-	14.109.723.976	-	-	-	-	(14.109.723.976)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận (3)	-	-	-	-	15.417.237.652	4.266.364.456	-	(19.683.602.108)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(15.177.157.822)	(15.177.157.822)
Chia cổ tức (4)	-	-	-	-	-	-	-	(48.061.555.200)	(48.061.555.200)
Tại ngày 31/12/2012	415.512.960.000	(470.673.364)	22.926.163.891	-	19.710.421.391	17.261.561.837	(11.173.978.888)	80.880.098.917	544.646.553.784

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

- (1) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 31/05/2011 và Công văn chấp nhận mua cổ phiếu quỹ của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/06/2011, Công ty được chấp thuận đăng ký mua 1.500.000 cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ. Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty đã thực hiện mua lại được 1.500.000 cổ phiếu với tổng giá trị là 11.173.978.888 VND.
- (2) Tăng vốn khác thể hiện giá trị còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản cố định nhận biếu, tặng từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vinaconex - UPGC.
- (3) Trong năm, Công ty đã tạm trích quỹ từ lợi nhuận của năm 2012 theo điều lệ Công ty và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chính thức trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới.
- (4) Trong năm 2012, Công ty đã trả tiền cổ tức đợt 2 cho năm tài chính 2011 với mức 7% bằng tiền mặt tính trên mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 28.035.907.200 VND theo quyết định của Hội đồng Quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 22 tháng 4 năm 2012. Đồng thời, Công ty cũng tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 cho các cổ đông với mức 5% bằng tiền mặt tính trên mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 20.025.648.000 VND theo Nghị quyết số 138 của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 10 năm 2012.

CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.551.296	41.551.296
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.051.296	40.304.296
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.500.000	1.247.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán điện	1.835.538.147.646	1.453.191.605.596
Doanh thu hoạt động viễn thông và công nghệ thông tin (i)	1.977.910.874	19.440.476.006
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	54.770.992.765	63.975.699.269
<i>Xây lắp điện</i>	36.979.377.890	46.895.865.121
<i>Khảo sát, thiết kế công trình điện</i>	1.332.249.741	2.211.985.336
<i>Mắc dây, đặt điện</i>	11.801.235.053	10.715.551.906
<i>Sửa chữa, thí nghiệm điện</i>	4.658.130.081	4.152.296.906
Dịch vụ	3.107.139.537	2.472.705.486
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	4.857.091.360	12.072.526.749
	<u>1.900.251.282.182</u>	<u>1.551.153.013.106</u>

- (i) Doanh thu hoạt động viễn thông và công nghệ thông tin trong năm 2012 chỉ bao gồm doanh thu hoạt động cho thuê cột điện trong khi năm 2011 bao gồm doanh thu của các dịch vụ thoại, cho thuê kênh luồng, dịch vụ dữ liệu, internet, thiết bị đầu cuối và các dịch vụ viễn thông khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Giá vốn bán điện (i)	1.662.784.024.423	1.336.054.003.117
Giá vốn hoạt động viễn thông và công nghệ thông tin (ii)	1.011.634.010	4.133.279.443
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	44.962.642.108	54.456.261.214
<i>Xây lắp điện</i>	<i>31.569.007.125</i>	<i>42.230.752.784</i>
<i>Khảo sát, thiết kế công trình điện</i>	<i>743.165.885</i>	<i>1.365.487.408</i>
<i>Mắc dây, đặt điện</i>	<i>9.786.061.257</i>	<i>8.417.139.629</i>
<i>Sửa chữa, thí nghiệm điện</i>	<i>2.864.407.841</i>	<i>2.442.881.393</i>
Dịch vụ	314.270.617	338.926.705
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	4.628.441.624	11.747.418.294
	<u>1.713.701.012.782</u>	<u>1.406.729.888.773</u>

- (i) Giá vốn bán điện chủ yếu là tiền mua điện thương phẩm theo đơn giá quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- (ii) Giá vốn hoạt động viễn thông và công nghệ thông tin trong năm 2012 chỉ bao gồm giá vốn hoạt động cho thuê cột điện trong khi năm 2011 bao gồm giá vốn của các dịch vụ thoại, cho thuê kênh luồng, dịch vụ dữ liệu, internet, thiết bị đầu cuối và các dịch vụ viễn thông khác.

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	34.289.843.101	51.716.787.166
Chiết khấu thanh toán	991.617.931	1.150.472.254
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.156.781.393	68.480
	<u>36.438.242.425</u>	<u>52.867.327.900</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.424.762.326	15.244.789.443
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.143.942.394	1.583.468.419
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.143.911.178
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.544.139.911	-
Chi phí hoa hồng bán hàng	687.301.719	584.684.143
	<u>11.800.146.350</u>	<u>23.556.853.183</u>

22. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	25.236.184.747	7.687.422.766
Phạt vi phạm hợp đồng	977.536	15.952.215
Thu nhập từ quà biếu, quà tặng	18.812.965.301	-
Thu nhập khác	12.409.281.322	4.270.804.051
	<u>56.459.408.906</u>	<u>11.974.179.032</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. CHI PHÍ KHÁC

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22.712.227.528	2.026.284.497
Phạt vi phạm hợp đồng	-	105.664.751
Chi phí khác	215.347.530	172.043.233
	<u>22.927.575.058</u>	<u>2.303.992.481</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	137.359.050.878	90.728.545.357
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.140.105.070)	(2.147.556.388)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.483.305.071	6.431.564.195
Thu nhập chịu thuế	142.702.250.879	95.012.553.164
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.675.562.720	23.753.138.291
Ưu đãi thuế	(9.919.895.904)	(5.665.163.290)
Điều chỉnh theo quyết toán thuế	1.116.968.256	(374.219.317)
Điều chỉnh thuế năm trước	109.880.824	
	<u>26.982.515.896</u>	<u>17.713.755.684</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Theo Công văn số 2366/CT-QLDN1 ngày 08 tháng 11 năm 2005, Cục thuế tỉnh Khánh Hòa đã chấp nhận cho Công ty được đăng ký miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho thời gian hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 5 năm tiếp theo.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	110.569.552.471	73.014.789.673
<i>Lợi nhuận từ tài sản nhận bàn giao</i>	<i>(14.109.723.976)</i>	<i>(1.431.774.000)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	96.459.828.495	71.583.015.673
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.067.579	41.157.205
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.407	1.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.007.578.040	80.221.340.831
Chi phí nhân công	156.681.369.822	135.529.138.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	121.453.163.766	102.070.130.271
Chi phí mua điện	1.392.255.346.844	1.100.794.049.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.987.818.822	10.280.602.951
Chi phí khác	85.683.239.842	65.403.295.417
	1.828.068.517.136	1.494.298.557.619

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT ĐẦU TƯ

- Theo Nghị quyết số 34/NQ-DLKH-HDQT ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Hội đồng Quản trị về việc nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 với số cổ phần là 475.000 cổ phần, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò là 56,875% vốn điều lệ (tương đương 22.750.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số vốn Công ty đã góp là 9.787.630.000 VND.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 120/NQ-DLKH-HDQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 với số tiền 12 tỷ VND, tương ứng 2% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số vốn Công ty đã góp là 6.149.000.000 VND.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	252.030.791.540	272.447.749.042
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	393.657.083.901	267.593.059.827
Nợ thuần	-	4.854.689.215
Vốn chủ sở hữu	544.646.553.784	497.997.447.586
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,01

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	393.657.083.901	267.593.059.827
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.369.227.502	36.171.964.644
Đầu tư ngắn hạn	17.495.595.261	894.789.716
Đầu tư dài hạn	48.389.860.089	59.504.500.000
Tổng cộng	506.911.766.753	364.164.314.187
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	252.030.791.540	272.447.749.042
Phải trả người bán và phải trả khác	172.971.706.716	133.946.665.356
Chi phí phải trả	17.026.833.040	11.947.119.783
Tổng cộng	442.029.331.296	418.341.534.181

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	96.632.664.594	109.259.489.156	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(966.326.646)	(1.092.594.892)
<i>Quản lý rủi ro lãi suất</i>		

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ giảm/tăng 826.674.745 đồng (2011: 868.512.849 đồng).

	<u>Tăng/(giảm) số</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi</u>
	<u>điểm cơ bản</u>	<u>nhuận trước thuế</u>
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	(826.674.745)
VND	-200	826.674.745
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	+200	(868.512.849)
VND	-200	868.512.849

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữ công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Sau 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	393.657.083.901	-	393.657.083.901
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.369.227.502	-	47.369.227.502
Đầu tư ngắn hạn	17.495.595.261	-	17.495.595.261
Đầu tư dài hạn	-	48.389.860.089	48.389.860.089
Tổng	458.521.906.664	48.389.860.089	506.911.766.753
Tại ngày 31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	172.971.706.716	-	172.971.706.716
Các khoản vay	49.310.354.457	202.720.437.083	252.030.791.540
Chi phí phải trả	17.026.833.040	-	17.026.833.040
Tổng	239.308.894.213	202.720.437.083	442.029.331.296
Chênh lệch thanh khoản thuần	219.213.012.451	(154.330.576.994)	64.882.435.457
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Sau 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	267.593.059.827	-	267.593.059.827
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.171.964.644	-	36.171.964.644
Đầu tư ngắn hạn	894.789.716	-	894.789.716
Đầu tư dài hạn	-	59.504.500.000	59.504.500.000
Tổng	304.659.814.187	59.504.500.000	364.164.314.187
Tại ngày 31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	133.946.665.356	-	133.946.665.356
Các khoản vay	34.207.162.350	238.240.586.692	272.447.749.042
Chi phí phải trả	11.947.119.783	-	11.947.119.783
Tổng	180.100.947.489	238.240.586.692	418.341.534.181
Chênh lệch thanh khoản thuần	124.558.866.698	(178.736.086.692)	(54.177.219.994)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trả gốc vay	6.297.624.165	185.169.031.335
Trả lãi vay	2.619.891.118	5.456.210.778
Phải trả khác	1.582.608.123	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Mua điện thương phẩm	1.349.839.445.484	986.726.579.378
Chia cổ tức	25.693.712.400	25.693.712.400
Trả gốc vay	9.638.442.939	8.424.824.318
Trả lãi vay	3.152.481.058	3.288.213.378
Phải trả khác	441.041.539	
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa		
Mua vật tư	4.559.040.881	8.128.289.210
Lương thanh toán cho Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.305.469.280	1.526.521.358

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Lãi vay phải trả	748.455.808	937.845.539
Gốc vay phải trả	39.220.986.871	45.100.560.782
Phải trả khác	-	1.582.608.123
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Tiền mua điện thương phẩm phải trả	108.605.757.376	94.739.711.691
Gốc vay phải trả	61.485.924.061	71.165.133.086
Gốc nợ phải trả	18.663.405.103	18.663.405.103
Phải trả khác	-	441.041.539
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa		
Phải thu từ bán tài sản cố định	737.000.000	737.000.000
Phải trả mua vật tư	82.975.000	2.591.628.898

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thỏa thuận với Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung về việc thanh toán 51,53% giá trị hợp đồng chuyển nhượng tài sản số 01 ngày 14 tháng 9 năm 2012 giữa Công ty và Viettel. Theo đó, Tổng Công ty Điện lực Miền Trung sẽ thanh toán cho Công ty số tiền tương ứng là 11.223.135.888 VND thay cho Viettel.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 3 năm 2013

Người lập

Nguyễn Thị Chí

Kế toán trưởng

Trần Thị Triều Linh

Ông Giám đốc



Nguyễn Thanh Lâm

